

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

Được kiểm toán bởi



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN BÉO CẢ

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BẢO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 04
BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	05 - 05
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 09
Bảo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	10 - 10
Bảo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	11 - 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	13 - 77



BẢO CAO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đèo Cà (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Bảo cáo của mình và Bảo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Công ty

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đèo Cà tiền thân là Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Cầu Đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 26 ngày 14 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là:

3.235.055.890.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Phà đò;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu;
- Sản xuất than cốc;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dùng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ điều hòa không khí;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật;

BẢO CẠO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- Sửa chữa thiết bị điện;
- Bàn buôn mầy vì tính, thiết bị ngoại vì và phần mềm;
- Lắp đặt mầy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đầu;
- Sửa chữa thiết bị điện từ và quang học.

4. Cầu trực doanh nghiệp

Công ty con: 10 Công ty con

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
-----	-------------	---------------	------------------

1	- Công ty CP Đầu tư Hà tăng Giao thông Đèo Cã	22,64%	26,77%
	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	1,42%	1,42%
	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	21,22%	25,35%
2	- Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	43,18%	60,16%
	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	38,21%	38,21%
	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	4,97%	21,95%
3	- Công ty CP An Ninh Đèo Cã	84,18%	84,18%
	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	84,18%	84,18%
4	- Công ty Cổ Phần BOT Hưng Phát	90,00%	95,00%
	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	90,00%	90,00%
	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	5,00%	5,00%
5	- Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	83,70%	83,70%
	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	83,70%	83,70%
6	- Công ty Cổ phần Phước Thuận Phú Gia BOT	22,52%	99,47%
	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	22,52%	99,47%
7	- Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cã	16,08%	71,02%
	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	16,08%	71,02%
8	- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Làng Sơn	14,85%	65,58%
	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	14,85%	65,58%
9	- Công ty CP Đầu tư TM Quốc tế Hà Thành	0,00%	0,00%
	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	0,00%	0,00%
10	- Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	0,00%	0,00%
	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	0,00%	0,00%
	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	0,00%	0,00%

Công ty liên doanh, liên kết: 04 Công ty liên kết

Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết
-------------	---------------	------------------

1	- Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cã Khánh Hòa	10,66%	50,00%
	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	10,66%	50,00%
2	- Công ty CP TV Xây dựng Hoàng Long	30,00%	30,00%
	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	30,00%	30,00%
3	- Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Làng Sơn Hữu Nghi	7,15%	31,60%
	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	7,15%	31,60%
4	- Công ty CP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	27,08%	27,08%
	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	27,08%	27,08%

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên Công ty	Địa chỉ
-------------	---------

- XI Nghiệp QL Khai thác Hà tăng Giao thông Số 1 - CN Công ty - Số 44 Trần Hưng Đạo, Phường 1, TP Tuy Hoà, Phú Yên	
Cổ Phần Tập Đoàn Đèo Cã tại Phú Yên	

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: (tiếp theo)

Tên Công ty		Địa chỉ
- Xí Nghiệp QL Khai thác Hà tàng Giao thông Số 2 - CN Công ty	Cá Phần Tập Đoàn Đèo Cá tại Làng Sơn	Tỉnh Lạng Sơn
	- Thôn Đồn Vang, Xã Minh Sơn, Huyện Hữu Lũng,	
- Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Đèo Cá Tại Cao Bằng	- Số 62, Tổ 7, Phường Sông Hiến, Thành phố Cao	
	Bằng, Tỉnh Cao Bằng, Việt Nam	

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tình hình tài chính tại ngày 31/12/2021 được thể hiện trong Báo cáo tài chính riêng đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Thực hiện nghị quyết số 02/2021/NQ-BHĐCB ngày 29/06/2021 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty về việc thông qua kế hoạch góp vốn và huy động trái phiếu, ngày 16/02/2022 Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐQT về phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Kết quả sau chào bán vốn điều lệ của Công ty tăng thêm 808.463.000.000 đồng (từ 3.235.055.890.000 đồng lên 4.043.518.890.000 đồng) và hoàn thành việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ với Sở Kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 26 ngày 14/03/2022.

Ngoài các sự kiện nêu trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện trọng yếu khác nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 cho đến thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT, ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông:	Hồ Minh Hoàng	Chủ tịch	Ngày bổ nhiệm	16-06-2018	Ngày miễn nhiệm	16-06-2018
Ông:	Lưu Xuân Thủy	Phó chủ tịch	16-06-2018	09-12-2021		
Ông:	Võ Thùy Linh	Phó chủ tịch	16-06-2018			
Ông:	Trần Văn Thê	Phó chủ tịch	16-06-2018	09-12-2021		
Ông:	Nguyễn Tân Đông	Phó chủ tịch	05-04-2021			
Ông:	Phan Văn Thắng	Phó chủ tịch	12-05-2020			
Ông:	Phùng Tiến Thành	Phó chủ tịch	05-04-2021			
Ông:	Nguyễn Quốc Anh	Phó chủ tịch	07-06-2021			
Ông:	Nguyễn Hữu Hùng	Phó chủ tịch	10-12-2021			
Ông:	Nguyễn Văn Hải	Thành viên	09-12-2021			

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc bao gồm:

Ông:	Nguyễn Văn Hải	Tổng Giám đốc	05-04-2021	Ngày bổ nhiệm	05-04-2021	Ngày miễn nhiệm	05-04-2021
Ông:	Hồ Đình Chung	Tổng Giám đốc	05-04-2021				
Ông:	Ngô Trường Nam	Tổng Giám đốc	05-04-2021				
Ông:	Phùng Tiến Thành	Tổng Giám đốc	05-04-2021				
Ông:	Lê Quỳnh Mai	Tổng Giám đốc	05-04-2021				
Ông:	Nguyễn Tân Đông	Tổng Giám đốc	05-04-2021				
Ông:	Nguyễn Quang Vinh	Tổng Giám đốc	14-02-2022				
Ông:	Cao Ngọc Nam	Tổng Giám đốc	20-11-2017				
Ông:	Nguyễn Văn Sang	Phó Tổng Giám đốc	24-11-2017				
Ông:	Nguyễn Hữu Hùng	Phó Tổng Giám đốc	10-02-2020				
Ông:	Nguyễn Văn Dũng	Phó Tổng Giám đốc	29-07-2020				
Ông:	Phạm Duy Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	15-10-2020				
Ông:	Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	21-12-2020				
Ông:	Phạm Lê Huy	Phó Tổng Giám đốc	14-02-2022				
Ông:	Nguyễn Quang Dũng	Phó Tổng Giám đốc	28-01-2021				
Ông:	Nguyễn Hải Anh	Phó Tổng Giám đốc	29-03-2021				
Ông:	Vũ Văn Hưng	Phó Tổng Giám đốc	28-12-2020				

BẢO CẠO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông: Lê Việt Anh
Bà: Phan Thị Bảo Trâm
Ông: Nguyễn Thanh Duy
Ông: Phạm Công Thìn
Ông: Đặng Xuân Chính

Đại diện theo pháp luật:

Ông: Hồ Minh Hoàng
Ông: Hồ Đình Chung
Ông: Ngô Trường Nam
Ông: Nguyễn Văn Hải
Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng: Bà: Cam Thị Minh Hải
Ông: Phạm Lê Huy
Ngày bổ nhiệm: 14-05-2021
Ngày miễn nhiệm: 14-05-2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASCS) là công ty kiểm toán cho Công ty.

CÔNG BỎ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BẢO CẠO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng này.
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính 2021 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hải

BẢO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tập đoàn Đèo Cả được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 77, bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh Báo cáo

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)

Phó Tổng giám đốc



Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0479-2018-142-1

Lê Văn Tuấn

(Signature)

Kiểm toán viên

(Signature)

Lê Văn Tân

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 4318-2018-142-1

29 Võ Thị Sáu Street, District 1, Ho Chi Minh City

Tel: (028) 3820 5944 - (028) 3820 5947 - Fax: (028) 3820 5942

Email: info@aascs.com.vn Website: www.aascs.com.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
100	A. TÀI SẢN NGÂN HẠN		4.228.930.110.587	3.042.766.825.749
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.01	1.274.053.778.670	522.830.724.590
111	1. Tiền		873.403.151.738	128.455.669.099
112	2. Các khoản tương đương tiền		400.650.626.932	394.375.055.491
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Chứng khoán kinh doanh			
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.362.743.400.896	2.220.309.089.657
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.03	891.250.606.582	755.667.056.549
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.04	501.596.738.394	662.748.018.607
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.05	621.116.623.501	597.040.669.282
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	V.06	348.779.432.419	204.853.345.219
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý			
140	IV. Hàng tồn kho	V.07	541.576.498.515	294.503.196.593
141	1. Hàng tồn kho		541.576.498.515	294.503.196.593
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		50.556.432.506	5.123.814.909
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.12	1.189.629.840	852.294.282
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		49.366.802.666	4.271.520.627
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
154	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
155	5. Tài sản ngắn hạn khác			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.087.105.298.637	2.257.128.716.914
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		270.885.653.402	59.683.812.720
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Trả trước cho người bán dài hạn			
213	3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
214	4. Phải thu nội bộ dài hạn			
215	5. Phải thu về cho vay dài hạn			
216	6. Phải thu dài hạn khác			
219	7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			
220	II. Tài sản cố định			
221	1. Tài sản cố định hữu hình			
222	- Nguyên giá			
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
227	3. Tài sản cố định vô hình			
228	- Nguyên giá			
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
230	III. Bất động sản đầu tư			
231	- Nguyên giá			
232	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn			
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn			
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang			
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn			
251	1. Đầu tư vào công ty con			
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)			
255	5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn			
260	VI. Tài sản dài hạn khác			
261	1. Chi phí trả trước dài hạn			
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại			
263	3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn			
268	4. Tài sản dài hạn khác			
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.316.035.409.224	5.299.895.542.663

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
-------	-----------	-------------	------------	------------

300	C. NỢ PHẢI TRẢ		2.624.387.388.780	2.567.812.683.176
310	I. Nợ ngắn hạn		1.453.495.651.327	1.597.309.475.145
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	970.715.760.910	621.671.846.989
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	31.574.456.385	6.679.767.952
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	12.421.652.068	7.825.040.530
314	4. Phải trả người lao động		14.583.240.415	8.479.677.954
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	10.453.640.344	160.489.982.044
316	6. Phải trả nội bộ ngắn hạn			
317	7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
318	8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn			
319	9. Phải trả ngắn hạn khác	V.18	174.120.459.666	144.253.578.459
320	10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.13	238.426.441.539	647.909.581.217
321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
322	12. Quý khen thưởng, phúc lợi			
323	13. Quỹ bình ổn giá			
324	14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ			
330	II. Nợ dài hạn		1.170.891.737.453	970.503.208.031
331	1. Phải trả người bán dài hạn			
332	2. Người mua trả tiền trước dài hạn	V.15	953.984.606.096	911.356.538.445
333	3. Chi phí phải trả dài hạn			
334	4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh			
335	5. Phải trả nội bộ dài hạn			
336	6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.19		7.500.000.000
337	7. Phải trả dài hạn khác	V.18	32.446.000.000	41.446.000.000
338	8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.13	184.461.131.357	10.200.669.586
339	9. Trái phiếu chuyển đổi			
340	10. Có phiếu ưu đãi			
341	11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
342	12. Dự phòng phải trả dài hạn			
343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
-------	-----------	-------------	------------	------------

D. VỐN CHỦ SỞ HỮU

V.20

400	1. Vốn chủ sở hữu	3.691.648.020.444	2.732.082.859.487	2.732.082.859.487
410	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.235.055.890.000	2.495.672.790.000	2.495.672.790.000
411	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	3.235.055.890.000	2.495.672.790.000	2.495.672.790.000
411a	- Cổ phiếu ưu đãi			
411b	2. Thặng dư vốn cổ phần			
412	3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu			
413	4. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	5. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	8. Quỹ đầu tư phát triển			
418	9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			
419	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối			
421	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế này			
421b	12. Nguồn vốn đầu tư XDCB			
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	6.316.035.409.224	5.299.895.542.663	

Người lập biên

Nguyễn Thị Linh

Kế toán trưởng

Phạm Lê Huy

Nguyễn Văn Hải

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính	
			2021	2020

01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.01	2.339.370.424.974	2.254.689.008.826
----	---	-------	-------------------	-------------------

02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu			
----	---------------------------------	--	--	--

10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.339.370.424.974	2.254.689.008.826
----	--	--	-------------------	-------------------

11	4. Giá vốn hàng bán	VI.02	2.180.381.102.591	2.115.597.019.157
----	---------------------	-------	-------------------	-------------------

20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		158.989.322.383	139.091.989.669
----	--	--	-----------------	-----------------

21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.03	432.004.575.704	56.474.390.563
----	----------------------------------	-------	-----------------	----------------

22	7. Chi phí tài chính	VI.04	55.602.200.821	32.573.130.908
----	----------------------	-------	----------------	----------------

23	Trong đó: Chi phí lãi vay		55.602.200.821	32.573.130.908
----	---------------------------	--	----------------	----------------

24	8. Chi phí bán hàng			
----	---------------------	--	--	--

25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	V.05	78.846.439.445	69.116.858.112
----	---------------------------------	------	----------------	----------------

30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		456.545.257.821	93.876.391.212
----	---	--	-----------------	----------------

31	11. Thu nhập khác	VI.06	5.780.776.035	2.782.952.862
----	-------------------	-------	---------------	---------------

32	12. Chi phí khác	VI.07	20.769.808.357	5.035.549.827
----	------------------	-------	----------------	---------------

40	13. Lợi nhuận khác		(14.989.032.322)	(2.252.596.965)
----	--------------------	--	------------------	-----------------

50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		441.556.225.499	91.623.794.247
----	---------------------------------------	--	-----------------	----------------

51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	VI.09	20.520.341.342	31.046.424.666
----	---------------------------------	-------	----------------	----------------

60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		421.035.884.157	60.577.369.581
----	--	--	-----------------	----------------

Nguyễn Thị Linh

Người lập biểu

Phạm Lê Huy

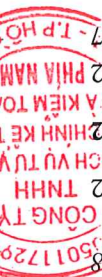
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hải



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022



BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính
			2020

01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	1. Lợi nhuận trước thuế	441.556.225.499	91.623.794.247
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		
02	- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	29.919.342.289	23.208.339.309
03	- Các khoản dự phòng		(1.269.013.472)
04	- Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(87.753.872)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	(437.403.818.775)	(57.210.341.311)
06	- Chi phí lãi vay	55.602.200.821	32.573.130.908
07	- Các khoản điều chỉnh khác		
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	89.673.949.834	88.838.155.809
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	(100.160.565.176)	(195.546.279.361)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	(247.073.301.922)	746.454.867
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	255.080.753.684	204.946.621.054
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	(331.795.249)	(663.138.003)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		
14	- Tiền lãi vay đã trả	(38.091.751.934)	(20.079.980.105)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(16.238.764.886)	(46.742.373.695)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(57.141.475.649)	31.499.459.966
20	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
21	- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(125.492.261.635)	(20.671.594.455)
22	- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	66.105.500.000	1.411.884.095
23	- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(1.906.242.000.000)	(751.460.792.599)
24	- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	1.698.366.045.781	388.334.390.784
25	- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(195.700.000.000)	
26	- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	553.111.431.000	
27	- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	413.709.215.690	17.596.201.630
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	503.857.930.836	(364.789.910.545)

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm tài chính	
			2021	2020

III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

31 - Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu

32 - Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành

33 - Tiền thu từ đi vay

34 - Tiền trả nợ gốc vay

35 - Tiền trả nợ gốc thuế tài chính

36 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu

40 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính

50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm

60 Tiền và tương đương tiền đầu năm

61 Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ

70 Tiền và tương đương tiền cuối năm

1.156.862.766.717	976.649.608.730
(1.392.085.444.624)	(546.556.760.955)
304.506.598.893	430.092.847.775
751.223.054.080	96.802.397.196
522.830.724.590	426.028.324.984
2.410	
1.274.053.778.670	522.830.724.590

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hải



Kế toán trưởng

Phạm Lê Huy

Người lập biểu

Nguyễn Thị Linh

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

I. BẮC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Tập đoàn Đèo Cà tiên thân là Công ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng Cầu Đường Sài Gòn được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0313365915 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 07 năm 2015. Đến nay Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận thay đổi lần thứ 26 ngày 14 tháng 03 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2021 là:

3.235.055.890.000

VND

Trụ sở chính của Công ty tại: 32 Thạch Thị Thanh, P. Tân Định, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây lắp.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình công ích;
- Phà đò;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ khác;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn chuyên doanh chưa được phân vào đầu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Sản xuất than cốc;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Kinh doanh bất động sản
- Bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện vận tải;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dùng khác
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê;

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

- 4 . Chu năm sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng
- 5 . Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Bảo cảo tài chính riêng
- 6 . Cầu trúc doanh nghiệp
- Danh sách công ty con bao gồm: 10 Công ty con
- Sửa chữa thiết bị điện; Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học.
 - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
 - Sản xuất khác chưa được phân vào đầu;

STT	Tên Công ty	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	Tỷ lệ biến quyết
Tỷ lệ lợi ích					

1 - Công ty CP ĐT Hà tăng Giao thông Đèo Cả	22,64%	74,98%	26,77%	93,89%	1,42%
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	1,42%	1,42%	1,42%	92,47%	60,16%
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	21,22%	73,56%	25,35%	92,47%	92,47%
2 - Công ty CP ĐT và Xây dựng ICV Việt Nam	43,18%	54,67%	60,16%	60,16%	38,21%
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	38,21%	38,21%	38,21%	38,21%	21,95%
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	4,97%	16,46%	21,95%	84,18%	84,18%
3 - Công ty CP An Ninh Đèo Cả	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%	84,18%
4 - Công ty Cổ Phần BOT Hưng Phát	90,00%	94,97%	95,00%	95,00%	90,00%
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	90,00%	90,00%	90,00%	90,00%	5,00%
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	0,00%	4,97%	5,00%	5,00%	87,36%

5 - Công ty CP Đầu Tư Hải Thành B.O.T	83,70%	87,56%	83,70%	87,56%	87,56%
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	83,70%	87,56%	83,70%	87,56%	87,56%
6 - Công ty CP Phước Thuận Phú Gia BOT	22,52%	74,64%	99,47%	99,52%	99,52%
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	22,52%	74,64%	99,47%	99,52%	99,52%
7 - Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	16,08%	52,76%	71,02%	70,36%	70,36%
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	16,08%	52,76%	71,02%	70,36%	70,36%
8 - Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Làng Sơn	14,85%	49,17%	65,58%	65,58%	65,58%
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	14,85%	49,17%	65,58%	65,58%	65,58%
9 - Công ty CP Đầu tư T.M Quốc tế Hà Thành	0,00%	99,45%	0,00%	99,45%	99,45%
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	0,00%	99,45%	0,00%	99,45%	99,45%
10 - Công ty Cổ phần Đầu tư Hà tăng Miền Bắc	0,00%	62,30%	0,00%	62,64%	62,64%
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	0,00%	62,30%	0,00%	62,64%	62,64%

- Công ty liên doanh, liên kết: 04 Công ty liên kết

STT	Tên Công ty	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	Tỷ lệ biến quyết
Tỷ lệ lợi ích					

1 - Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh	10,66%	35,27%	50,00%	50,00%	50,00%
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	10,66%	35,27%	50,00%	50,00%	50,00%
2 - Công ty CP TV Xây dựng Hoàng Long	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%
3 - Công ty CP BOT B.Giang - L.Son - H.Nghị	7,15%	21,93%	31,60%	29,25%	29,25%
Tỷ lệ lợi ích gián tiếp	7,15%	21,93%	31,60%	29,25%	29,25%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Công ty liên doanh, liên kết: 04 Công ty liên kết (tiếp theo)

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ lợi ích			Tỷ lệ biểu quyết
		31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
4	Công ty CP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	27,08%	0,00%	27,08%	0,00%
	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	27,08%	0,00%	27,08%	0,00%

II. NĂM KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỶ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Ký kế toán, đơn vị tiền tỷ sử dụng trong kế toán

Ký kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tỷ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư văn bản hướng dẫn bổ sung.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Tỷ giá đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng mua bán, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): Là tỷ giá mua của ngân hàng mua, bán ngoại tệ giữa doanh nghiệp và ngân hàng thương mại;

Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán thì doanh nghiệp ghi sổ kế toán theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua hoặc nhận góp: Là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: Là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;

+ Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

+ Tỷ giá ghi sổ thực tế dịch danh được áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, được xác định bằng tỷ giá tại thời điểm giao dịch phát sinh.

+ Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động được áp dụng tại bên Có tài khoản tiền khi thanh toán bằng ngoại tệ.

+ Chuyển lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh và được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

b. Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mua tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mua tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mua tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mua tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và số chênh lệch còn lại sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lại chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi còn lại không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Khi phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ, bên Nợ các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế và bên Có các tài khoản tiền áp dụng tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền. Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ và vàng tiền tệ theo nguyên tắc:

- Số dư ngoại tệ: theo tỷ giá mua ngoại tệ thực tế của ngân hàng thương mại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

- Vàng tiền tệ: theo giá mua trên thị trường trong nước tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Giá mua trên thị trường trong nước là giá mua được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước. Trường hợp Ngân hàng Nhà nước không công bố giá mua vàng thì tính theo giá mua công bố bởi các đơn vị được phép kinh doanh vàng theo luật định.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

+ Chứng khoán kinh doanh

Là khoản đầu tư mua chứng khoán và công cụ tài chính khác vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh bao gồm:

- Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán;
- Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác như thương phiếu, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng hoán đổi ...

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ theo giá gốc. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm khoản cổ tức chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư. Khi nhà đầu tư được nhận thêm cổ phiếu mà không phải trả tiền do Công ty cổ phần phát hành thêm cổ phiếu từ tăng dư vốn cổ phần, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu, nhà đầu tư chỉ theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm.

Trường hợp hoán đổi cổ phiếu phải xác định giá trị cổ phiếu theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động cho từng loại chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: phần giá trị tồn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

+ Đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạm

Khoản đầu tư này không phản ánh các loại trái phiếu và công cụ nợ nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạm bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (thời gian thu hồi còn lại từ 3 tháng trở lên), tín phiếu, kỳ phiếu, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bất buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đảo hạm với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạm khác.

- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đảo hạm nếu chưa được lập dự phòng theo quy định của pháp luật, Công ty phải đánh giá khả năng thu hồi. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thể thu hồi được, số tồn thất phải ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp số tồn thất không thể xác định được một cách đáng tin cậy thì không ghi giảm khoản đầu tư và được thuyết minh về khả năng thu hồi của khoản đầu tư trên Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

+ Các khoản đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong kỳ. Các khoản được chia khác (ngoại lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận là chi phí tài chính trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:
+ Đối với dự phòng khoản đầu tư vào các doanh nghiệp đặc thù (doanh nghiệp BOT) : Không trích dự phòng tổn thất đầu tư đối với các khoản đầu tư vào doanh nghiệp thực hiện dự án BOT, do hợp đồng BOT đảm bảo cho nhà đầu tư được bảo toàn vốn và lãi trên vốn của Nhà đầu tư tham gia dự án theo thỏa thuận hợp đồng BOT được ký kết giữa nhà đầu tư và Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trong suốt thời gian hoạt động của dự án.
+ Đối với khoản tổn thất do công ty con, liên doanh, liên kết khác nếu Công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư này. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng cho từng khoản đầu tư và được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

+ Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu:

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại ngoại tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chi định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều khoản phải thu và giao dịch tại nhiều ngân hàng thì được chủ động lựa chọn tỷ giá mua của một trong những ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản mục tiền trả trước cho khách hàng không đánh giá lại số dư.

- **Lập dự phòng phải thu khó đòi:** Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn chưa khoản nợ hoặc theo dự kiến tồn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế làm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.
Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm hoặc để sản xuất sản phẩm thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ), thuế tài chính, bất động sản đầu tư:

Nguyên giá tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do xây dựng bao gồm: chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng, chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và lãi vay được vốn hóa theo chuẩn mực kế toán số 16. Chi phí hình thành nguyên giá tài sản cố định liên quan đến Dự án BOT, BT.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Nguyên giá TSCĐ hình thành từ dự án BOT.:

Tài sản cố định được tạm ghi nhận tăng nguyên giá từ khi có kết quả của Hội đồng nghiệm thu Nhà nước về việc thông bảo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu đưa vào khai thác, sử dụng. Chất lượng hàng mục cơ bản đáp ứng yêu cầu thiết kế được duyệt, các tiêu chuẩn áp dụng và các chỉ dẫn kỹ thuật của Dự án đủ điều kiện thông xe kỹ thuật đưa vào khai thác, sử dụng.

Công ty sẽ điều chỉnh việc ghi nhận Nguyên giá khi hoàn thành việc quyết toán các hàng mục với Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình là Phương tiện vận tải và Thiết bị dùng củ quản lý được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng không đổi với tài sản cố định không hình thành từ dự án BOT.BT. Thời gian

khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 30 năm
- Thiết bị dùng củ quản lý	03 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất vô thời hạn	Không tính khấu hao

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Bất động sản đầu tư được trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty từ trường hợp BDS đầu tư chờ tăng giá thì không trích khấu hao mà xác định giá trị tồn thất do giảm giá trị.

Khấu hao đối với tài sản hình thành từ dự án BOT,BT. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Đối với dự án đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (B.O.T), thời gian trích khấu hao tài sản cố định được xác định là thời gian khai thác hoàn vốn đầu tư của chủ đầu tư tại dự án. Việc trích khấu hao tài sản cố định hình thành từ dự án theo tỷ lệ tương ứng với doanh thu hàng năm phù hợp với thời gian khai thác thu phí hoàn vốn của dự án (tương tự như phương pháp khấu hao theo số lượng, khối lượng sản phẩm). Việc xác định giá trị tài sản cố định hình thành từ dự án thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng cơ bản.”

7. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của các bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Bên nhận tài sản các bên đồng góp cho hoạt động BCC kế toán khoản này là nợ phải trả, không được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. BCC có các hình thức sau:

- BCC theo hình thức tài sản đồng kiểm soát;
- BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát;
- BCC theo chia lợi nhuận sau thuế.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí SXKD từng kỳ kế toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức hợp lý, nhất quán.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính riêng theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

9. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả:

Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nêu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 12 tháng hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán từ 12 tháng trở lên hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

Đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ, tỷ giá ghi nhận là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, các khoản phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại số dư theo tỷ giá thực tế là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng, khoản chênh lệch tỷ giá được hạch toán bù trừ sau đó hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí tài chính; Riêng khoản mục tiền người mua trả tiền trước không đánh giá lại số dư.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành có phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai không phân ảnh vào khoản mục này.

Các khoản vay, nợ cần được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, từng khối ước và từng loại tài sản vay nợ. Các khoản nợ thuê tài chính được phân ảnh theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Khi lập Báo cáo tài chính riêng, số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và vốn hóa các khoản chi phí di vay

Chi phí di vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ, trừ trường hợp chi phí di vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán “Chi phí di vay”.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Việc trích trước chi phí phải trả phải được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm doanh thu nhận trước như: số tiền khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản; khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ; chênh lệch giữa bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết so với giá bán trả tiền ngay; doanh thu tương ứng với hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng trung thành. Số dư các khoản doanh thu nhận trước bằng bảng ngoại tệ thì không đánh giá chênh lệch tỷ giá tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, tăng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu và được theo dõi chi tiết cho từng tổ chức, từng cá nhân tham gia góp vốn.

Khi giấy phép đầu tư quy định lệ của công ty được xác định bằng ngoại tệ thì việc xác định phần vốn góp của nhà đầu tư bằng ngoại tệ được căn cứ vào số lượng ngoại tệ đã thực góp.

Vốn góp bằng tài sản được ghi nhận tăng vốn chủ sở hữu theo giá đánh giá lại của tài sản được các bên góp vốn chấp nhận. Đối với tài sản vô hình như thương hiệu, nhãn hiệu, tên thương mại, quyền khai thác, phát triển dự án ... chỉ được tăng vốn góp nếu pháp luật có liên quan cho phép.

Đối với công ty cổ phần, vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phân ảnh tại hai chi tiêu riêng:

- Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo mệnh giá của cổ phiếu;

- Tăng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành cổ phiếu và mệnh giá.

Ngoài ra, tăng dư vốn cổ phần cũng được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá của cổ phiếu khi tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phát hành cổ phiếu phát sinh khi công ty phát hành loại trái phiếu có thể chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu xác định được quy định sẵn trong phươg án phát hành. Giá trị cầu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi là chênh lệch giữa tổng số tiền thu về từ việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và giá trị cầu phần nợ của trái phiếu chuyển đổi. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, giá trị quyền chọn có thể chuyển đổi được ghi nhận riêng biệt trong phần vốn đầu tư của chủ sở hữu. Khi đáo hạn trái phiếu, kế toán quyền chọn này sang tăng dư vốn cổ phần.

Vốn khác phần ảnh vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, dành giá lại tài sản (theo quy định hiện hành).

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau.

Các khoản chênh lệch tỷ giá được phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ) tại thời điểm phát sinh. Riêng chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn trước hoạt động của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có thực hiện dự án, công trình trọng điểm quốc gia thì phản ánh trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào doanh thu / chi phí tài chính.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi công (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Công ty mẹ phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp lợi nhuận phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ và nếu số lợi nhuận quyết định phân phối vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính riêng, công ty mẹ chỉ thực hiện phân phối sau khi đã điều chỉnh lợi nhuận từ các công ty con về công ty mẹ. Các công ty con thực hiện tạm ứng lợi nhuận đã cam kết cho các Cổ đông theo phương án tài chính đã được phê duyệt trong hợp đồng BOT dựa vào dòng tiền thực tế thu được thay vì lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Khi phân phối lợi nhuận cần căn nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức, lợi nhuận của công ty.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua, kiểm soát hàng hóa;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp vụ đã hoàn thành theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Đối với tiền lãi thu từ các khoản cho vay, bán hàng trả chậm, trả góp; doanh thu được ghi nhận khi chắc chắn thu được và khoản gốc cho vay, nợ gốc phải thu không bị phần loại là quá hạn cần phải lập dự phòng.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo một trong hai trường hợp sau:

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận.
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác định tại ngày lập Báo cáo;
- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: khi kết quả thực hiện hợp đồng được xác định một cách đáng tin cậy thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

- Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ; tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất; khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ; thu nhập từ quá biểu, tăng bằng tiền, hiện vật ...

17 . Nguyên tắc ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu

Việc điều chỉnh doanh thu được thực hiện như sau:

- Điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ;
- Điều chỉnh giảm doanh thu như sau nếu các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ:
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Bảo cảo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu trước thời điểm phát hành Bảo cảo tài chính riêng;
 - + Điều chỉnh giảm doanh thu trên Bảo cảo tài chính riêng của kỳ sau kỳ lập báo cáo nếu phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu sau thời điểm phát hành Bảo cảo tài chính riêng.

Chiết khấu thương mại phải trả là khoản Công ty bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giá trị hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không dùng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán trả lại phần ảnh hưởng của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do các nguyên nhân như vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không dùng được chủng loại, quy cách.

18 . Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

19 . Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí hoạt động tài chính: chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí cho vay và đi vay vốn; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng khoản; dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Đối với các dự án BOT, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong giai đoạn vận hành được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu thu phí phát sinh trong kỳ và doanh thu theo phương án tài chính của dự án BOT, căn cứ theo Công văn số 2310/TCĐN-VF ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Bộ Tài Chính được áp dụng từ năm tài chính 2020 . Giá trị chênh lệch giữa chi phí đi vay phát sinh và chi phí đi vay được phân bổ vào kết quả hoạt động trong kỳ sẽ được ghi nhận vào chi phí trả trước, giá trị này được phân bổ vào các kỳ tiếp theo.

Công thức tính chi phí lãi vay liên quan trực tiếp đến các khoản vay tài trợ vốn cho dự án BOT trong kỳ:

$$\text{Chi phí lãi vay trong kỳ} = \frac{\text{Tổng chi phí lãi vay theo phương án tài chính} \times \text{Doanh thu thực hiện trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu theo phương án tài chính}}$$

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuê môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

21. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, CP thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh trong tương lai từ việc:

- Ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm;
 - Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.
- Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần chênh lệch tạm thời chưa được khấu trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN trên báo cáo công ty do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai cũng như khả năng khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ tính thuế tiếp theo tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

23. Bảo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với một môi trường kinh tế khác.

24. Công cụ tài chính

a. Tài sản tài chính

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm:

- Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ảnh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;
 - Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn;
 - Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường;
 - Tài sản sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sàng để bán hoặc không được phân loại là tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.
- Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết.

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu tài sản tài chính được xác nhận theo giá gốc cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua, phát hành.

b. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Theo Thông tư 210, Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm:

- Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là nợ phải trả được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu;

- Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, công hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Việc phân loại nợ phải trả tài chính này phụ thuộc vào mục đích và bản chất của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả trả người bán, phải trả khác, các khoản nợ và vay.

Liên quan đến việc phát hành.

Công cụ vốn Chủ sở hữu (CSH): Là hợp đồng chứng từ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính: Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
01. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

31/12/2021	01/01/2021
1.900.353.672	887.495.314
1.900.353.672	887.495.314
871.502.798.066	127.568.173.785
871.498.181.938	127.563.557.657
4.616.128	4.616.128
400.650.626.932	394.375.055.491
400.650.626.932	394.375.055.491
400.650.626.932	394.375.055.491
1.274.053.778.670	522.830.724.590

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

02. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Dài hạn	20.000.000.000	20.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
- Trái phiếu	20.000.000.000	20.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	20.000.000.000	20.000.000.000	18.000.000.000	18.000.000.000

(*) Thông tin trái phiếu

*) Thông tin trái phiếu	Số lượng	Mệnh giá	Tổng trị giá	Lãi suất trả sau	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	80.000	100.000	8.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +0,9% / năm	24/09/2020	24/09/2022
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	1.000	10.000.000	10.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1,2% / năm	27/09/2019	27/09/2022
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	20.000	100.000	2.000.000.000	Lãi suất tham chiếu +1% / năm	18/11/2021	18/11/2031

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

		31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	1.232.531.352.779	101.930.959.500		1.858.526.562.779	64.417.335.000
+ Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả	50.251.352.779	101.930.959.500		50.251.352.779	64.417.335.000
+ Công ty CP ĐT và XD ICV Việt Nam (*)	23.500.000.000			23.500.000.000	
+ Công ty CP An Ninh Đèo Cả (*)	6.650.000.000			6.650.000.000	
+ Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát (*)	207.000.000.000			207.000.000.000	
+ Công ty CP Đầu Tư Hải Thạch B.O.T (*)	945.130.000.000			988.630.000.000	
+ Công ty CP Đầu Tư Thương Mại Quốc Tế Hà Thành (*)				582.495.210.000	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	211.600.000.000			15.900.000.000	
+ Công ty CP TV Xây dựng Hoàng Long (*)	15.900.000.000			15.900.000.000	
+ Công ty CP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo (*)	195.700.000.000				
Cộng	1.444.131.352.779	101.930.959.500		1.874.426.562.779	64.417.335.000

(*) Do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty trên chưa thể xác định được để trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo quy định của Thông tư 200/TT-BTC. Tuy nhiên Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của khoản đầu tư cao hơn so với giá trị sổ sách đang ghi nhận.



BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

03 . PHẢI THU KHÁCH HÀNG

31/12/2021	Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng
01/01/2021				

a) Ngân hàng

Bên khác

Công ty CP ĐT & XD CT Tây An

Công ty TNHH Đầu tư và XD INDEC

BQL dự án Thăng Long - Bộ GTVT

BQL dự án Đầu tư XD các công trình

dân dụng và CN tỉnh Quảng Ninh

BQL dự án Đầu tư XD TP Tuy Hòa

BQL Dự án Đầu tư XD các công trình

giáo thông tỉnh Quảng Ninh

Đối tượng khác

Bên liên quan

Công ty CP Đầu tư Đèo Cả

Công ty CP BOT Bắc Giang - Làng Sơn

Công ty CP BOT Bắc Giang - Làng Sơn

Hữu Nghi

Công ty CP Trung Lương - Mỹ Thuận

Công ty CP Đầu tư BOT Đèo Cả KH

Công ty CP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo

Công ty CP Tập Đoàn Hải Thạch

Công ty CP XD Đèo Cả

Công ty CP ĐT Hà tăng GT Đèo Cả

Công ty CP Tư Vấn XD Hoàng Long

Công ty TNHH Phát triển Hà tăng và

Đầu tư Tài Chính Đèo Cả

Công ty Đầu tư và XD ICV Việt Nam

Công ty CP Phước Thuận Phú Gia BOT

Công ty CP An ninh Đèo Cả

Công ty CP Tập Đoàn DT XD Cầu

Đường Sài Gòn-Phú Yên

Công ty CP Vật Liệu Hải Thạch

Công ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai

Thác Đường Cao Tốc Đèo Cả

b) Đại hàn

Cộng

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a) Ngân hàng

Bên khác

Công ty CP Xây lắp 368

Công ty CP ĐT & XD C.Tỉnh Tây An

Công ty CP Đầu Tư Năng Ban Mai

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

04 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

(tiếp theo)

a) Ngân hàn (tiếp theo)

Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng
31/12/2021		01/01/2021	

376.540.010,011

45.126.130,127

6.017.792,441

25.800.000,000

4.377.451,000

18.288.838,711

18.244.172,045

10.319.816,763

28.500.000,000

2.305.321,745

4.273.410,300

1.717.868,020

25.500.000,000

11.186.391,641

90.410.855,066

125.056.728,383

326.513.320,532

41.600.000,000

8.648.879,517

68.904.710,545

207.359.730,470

501.596.738,394

662.748.018,607

Công ty CP Đầu tư Thịnh Phát

Công ty TNHH thiết bị XD CN Nam Anh

Công ty CP Tư Vấn XD A2Z

Công ty CP ĐT Đèo Cả - Huy Hoàng

Công ty TNHH TM Trung Tín H.B

Công ty CP ĐT XD và TM Quốc Tế

Công ty TNHH Vật Liệu Ngoại Thất

Nhật Bản

Công ty CP TM - DV Huy Thiên Phú

Công ty CP Tập đoàn Trí Nam

Tổng Công ty CP công trình Viettel

Công ty CP phụ dòng E&C

Công ty TNHH XD Thương mại tư vấn

Lộc Phát Lộc

Công ty Cổ phần CMVIENTNAM

Công ty TNHH Nhạc Sơn

Đội tượng khác

Bên liên quan

Công ty CP Tập Đoàn Đầu Tư XD Cầu

Đường Sài Gòn-Phủ Yên

Công ty Đầu tư và XD ICV Việt Nam

Công ty CP Tư Vấn XD Hoàng Long

Công ty CP Đầu tư Hà tăng Giao thông

Đèo Cả

Công ty CP XD Đèo Cả

Công

b) Đại hàn

05 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

a) Ngân hàn

Bên khác

Công ty CP Đầu tư & XD Công trình

Tây An (1)

Công ty CP Xây lắp 368 (2)

Công ty CP Bê tông Hà Thanh (3)

Công ty CP TM và XD Hoàng Long

CN Công ty CP Tư Vấn XD A2Z Tài

Thành Phố HCM

Công ty CP Tư Vấn XD A2Z

Công ty TNHH MTV Dầu từ Sài Gòn (4)

Công ty CP Bất Động Sản Đèo Cả (5)

Công ty TNHH MTV NINH VINA (6)

Nguyễn Tiến Nam (7)

Đội tượng khác

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

05 . PHẢI THU VỀ CHO VAY (tiếp theo)

Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng
31/12/2021		01/01/2021	

a) Ngắn hạn (tiếp theo)

336.004.727.898	84.208.773.679
285.111.895.603	512.831.895.603
203.200.000.000	97.500.000.000
36.731.895.603	178.631.895.603
27.000.000.000	

Đeo Cà (2)

Công ty CP Đầu tư TM Quốc Tế Hà Thành

Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ

Thuận (3)

Công ty CP Tư Vấn XD Hoàng Long (4)

Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T

Công ty CP Tập Đoàn BT XD Cầu

Đường Sài Gòn-Phủ Yên (5)

Công ty CP Đầu tư Hà Tăng Miền Bắc

b) Dài hạn

230.050.000.000

49.750.000.000

Bên khác

2.500.000.000

CN Công ty CP Tư Vấn XD A2Z Tại

Thành Phố HCM (1)

227.550.000.000

49.750.000.000

Bên liên quan

Công ty CP Đầu tư TM Quốc Tế Hà Thành

Công ty CP Cao Tốc Cam Lâm-Vĩnh

Hào (1)

151.900.000.000

Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ

Thuận (2)

Công

851.166.623.501

646.790.669.282

Ghi chú: Ngân hạn Bên khác

(1) Đây là khoản phải thu về cho vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 8%/năm.

Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2021.

(2) Đây là khoản phải thu về cho vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 14%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2021.

(3) Đây là khoản phải thu về cho vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là 24 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2021.

(4) Đây là khoản phải thu về cho vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 9%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là 2 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2021.

(5) Đây là khoản phải thu về cho vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là 6 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2021.

(6) Đây là khoản phải thu về cho vay ngân hàng, được đảm bảo bởi tài sản hình thành từ nguồn tiền vay là máy móc thiết bị và hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2021.

(7) Đây là khoản phải thu về cho vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Ngân hàng: Bên liên quan

(1) Đây là khoản phải thu về cho vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 11 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2021.

(2) Đây là khoản phải thu về cho vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2021.

(3) Đây là khoản phải thu về cho vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2021.

(4) Đây là khoản phải thu về cho vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2021.

(3) Đây là khoản phải thu về cho vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2021.

Ghi chú: Dài hạn Bên khác

(1) Đây là khoản phải thu về cho vay ngân hàng không có tài sản đảm bảo và hưởng lãi suất là 8%/năm. Thời gian đáo hạn của khoản cho vay này là trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân của hợp đồng vay trong năm 2021.

Dài hạn Bên liên quan

(1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐHT/BOT TLMT - DCG ngày 01/08/2021

(2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1210/2021/HĐHT/BOT CLVH - DCG ngày 12/10/2021

06. PHẢI THU KHÁC

Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng
31/12/2021	01/01/2021		

a) Ngân hàng

Tạm ứng

Ký cược, kỳ quỹ

Phải thu khác

Bên khác

+ Công ty CP Bê tông Hà Thanh

+ Công ty CP ĐT & XD Công trình Tây

An

+ Công ty CP truyền thông Đầu Tư Việt

+ Công ty CP Đầu tư XD B.M.T

+ Công ty CP Thương mại và XD Hoàng

Long

+ Công ty CP Tư vấn XD A2Z

+ Công ty CP Xây lắp 368

+ Ban đồng đẳng Trá Linh

+ Đối tượng khác

31/12/2021

01/01/2021

348.779.432.419

204.853.345.219

34.249.807.568

15.489.037.097

586.149.520

113.909.222

313.943.475.331

189.250.398.900

225.708.621.284

56.274.313.955

2.398.150.683

1.198.150.684

1.791.675.208

367.323.277

1.587.802.520

226.888.380

120.000.000.000

1.845.479.452

26.301.370

37.625.160

27.758.067.799

2.947.451.068

161.095.890

30.500.000.000

15.000.000.000

64.600.437.193

11.536.486.555

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

06 . PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

Giá trị	Trích lập dự phòng	Giá trị	Trích lập dự phòng
31/12/2021		01/01/2021	

a) Ngân hàng

Bên liên quan

88.234.854.047

50.000.000.000

4.303.095.023

323.064.000

95.349.930

2.081.424.799

2.787.579.716

3.065.863.014

12.485.479.451

135.801.435

16.014.319.886

141.667.178

146.740.560

133.151.865

4.881.168.435

2.135.408.220

59.039.987

266.301.370

18.891.180

9.933.812.720

9.933.812.720

6.871.103.560

200.000.000

5.878.171.917

10.384.450.724

3.660.336.063

10.858.274.980

10.858.274.980

3.062.709.160

214.787.157.939

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

389.615.085.821

a) Ngân hàng

Bên liên quan

+ Hồ Minh Hoàng

+ Công ty CP Tập Đoàn Hải Thạch

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn

+ Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn



Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

07 . HANG TON KHO

31/12/2021		01/01/2021	
	<i>Gia gốc</i>	<i>Trích lập dự phòng</i>	<i>Gia gốc</i>
- Nguyên liệu, vật liệu	28.800.490.300		7.710.366.391
- Công cụ, dụng cụ	738.643.170		298.133.503
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	508.226.070.738		285.499.789.721
- Hàng hóa	3.811.294.307		994.906.978
Công	541.576.498.515		294.503.196.593

- Giá trị hàng tồn kho ư đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: Không có
- Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm: Không có

08. TẠI SÂN DỖ DANG ĐẠI HÂN

a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí khảo sát các dự án

31/12/2021	14.199.911,683	1.991.082,750
01/01/2021	14.199.911,683	1.991.082,750

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

09. TÀNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
1. Số dư đầu năm		76.452.215.217	52.498.627.669	1.008.760.979	6.621.835.623	136.581.439.488
2. Số tăng trong năm		81.074.655.910	26.903.536.362	1.768.453.909	2.816.600.000	112.563.246.181
- Mua trong năm		81.074.655.910	26.903.536.362	1.768.453.909	2.816.600.000	112.563.246.181
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
3. Số giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối năm		157.526.871.127	79.402.164.031	2.777.214.888	9.438.435.623	249.144.685.665
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư đầu năm		39.367.792.422	16.662.886.625	855.554.677	6.585.893.384	63.472.127.108
2. Khấu hao trong năm		14.324.498.804	10.296.739.640	103.679.817	389.954.245	25.114.872.506
- Khấu hao trong năm		14.324.498.804	10.296.739.640	103.679.817	389.954.245	25.114.872.506
- Tăng khác						
3. Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
4. Số dư cuối năm		53.692.291.226	26.959.626.265	959.234.494	6.975.847.629	88.586.999.614
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm		37.084.422.795	35.835.741.044	153.206.302	35.942.239	73.109.312.380
2. Tại ngày cuối năm		103.834.579.901	52.442.537.766	1.817.980.394	2.462.587.994	160.557.686.055

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 74.335.710.727 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 10.807.557.290 VND



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ HÌNH

Chỉ tiêu	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm	TSCĐ vô hình khác	Cộng
I. Nguyên giá				
1. Số dư đầu năm	1.626.200.000	1.626.200.000		1.626.200.000
2. Số tăng trong năm				
3. Số giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
4. Số dư cuối năm	1.626.200.000	1.626.200.000		1.626.200.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
1. Số dư đầu năm	1.051.265.993	313.599.996	313.599.996	1.051.265.993
2. Khấu hao trong năm				
- Khấu hao trong năm	313.599.996	313.599.996		313.599.996
3. Giảm trong năm				
- Thanh lý, nhượng bán				
4. Số dư cuối năm	1.364.865.989	1.364.865.989		1.364.865.989
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	574.934.007	574.934.007		574.934.007
2. Tại ngày cuối năm	261.334.011	261.334.011		261.334.011

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay: 0 VND
- Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 58.200.000 VND

11 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN DẦU TƯ

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
BDS đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	247.966.079.565	12.929.015.454	64.131.501.005	196.763.594.014
- Quyền sử dụng đất	124.283.372.273	12.929.015.454	27.010.645.000	97.272.727.273
- Nhà	123.682.707.292			99.490.866.741
Giá trị hao mòn lũy kế	18.753.272.891	4.490.869.787	3.425.244.076	19.818.898.602
- Quyền sử dụng đất				
- Nhà	18.753.272.891	4.490.869.787	3.425.244.076	19.818.898.602
Giá trị còn lại	229.212.806.674			176.944.695.412
- Quyền sử dụng đất	124.283.372.273			97.272.727.273
- Nhà	104.929.434.401			79.671.968.139
Nhà và quyền sử dụng đất				

- Giá trị còn lại cuối năm của BDSĐT là: 176.944.695.412 đồng dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá BDSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

- a) Ngân hạn
Công cụ, dụng cụ xuất dùng
b) Dài hạn
Công cụ, dụng cụ xuất dùng
Cộng

31/12/2021	01/01/2021
1.189.629.840	852.294.282
1.189.629.840	852.294.282
124.665.295	130.205.604
124.665.295	130.205.604
1.314.295.135	982.499.886

13. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a) Vay ngắn hạn VND

	31/12/2021	Số có khả năng trả nợ	Trong năm	01/01/2021	Số có khả năng trả nợ
Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Bên khác	205.082.653.446	204.804.253.446	361.896.836.216	564.870.770.619	408.056.587.849
Cty CP Tập đoàn Hưng Thịnh			50.100.000.000	100.100.000.000	50.000.000.000
NH Công thương Việt Nam - CN4 TP.HCM	8.808.928.013	8.808.928.013	8.808.928.013	9.500.000.000	9.500.000.000
NH TMCP Tiên phong - CN Thăng Long	27.903.567.672	27.903.567.672	34.768.767.366	55.029.538.492	48.164.338.798
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	161.991.757.761	161.991.757.761	180.658.784.702	192.945.679.822	174.278.652.881
Cty CP ĐT Tập đoàn Phương Trang - Futa Group				100.000.000.000	100.000.000.000
NH Công Thương Việt Nam - CN TP.HCM			12.904.956.135	38.740.152.305	25.835.196.170
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	278.400.000		278.400.000	278.400.000	278.400.000
Công ty CP tư vấn XD A2Z	6.100.000.000	6.100.000.000	62.200.000.000	56.100.000.000	
Đối tượng khác			12.177.000.000	12.177.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

a) Vay ngắn hạn VND (tt)

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
Bên liên quan					Số có khả năng trả nợ
Công ty CP Tập Đoàn Hải Thạch	33.343.788.093	33.343.788.093	610.844.609.568	817.353.814.843	239.852.993.368
Công ty CP Xây dựng Đèo Cả	743.788.093	743.788.093	27.743.788.093	27.000.000.000	
Công ty Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	2.600.000.000	2.600.000.000	5.000.000.000	2.400.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	30.000.000.000	30.000.000.000	100.000.000.000	70.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành			104.900.830.138	104.900.830.138	
Cộng	238.426.441.539	238.148.041.539	972.741.445.784	1.382.224.585.462	647.909.581.217

b) Vay dài hạn VND

	31/12/2021		Trong năm		01/01/2021
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị
Trên 1 năm đến 5 năm					Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	184.461.131.357	184.461.131.357	201.262.484.500	27.002.022.729	10.200.669.586
+ NH Tiên Phong - CN Thăng Long	143.661.131.357	143.661.131.357	160.462.484.500	27.002.022.729	10.200.669.586
+ Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	47.210.131.357	47.210.131.357	64.707.484.500	26.723.622.729	9.226.269.586
+ Công ty TNHH Đồng Thuận Hà (1)	696.000.000	696.000.000		278.400.000	974.400.000
+ Công ty TNHH Phúc Thịnh 68 (2)	30.465.000.000	30.465.000.000	30.465.000.000		
+ Công ty Cổ phần thương mại và Xây dựng Hoàng Long (3)	32.255.000.000	32.255.000.000	32.255.000.000		
+ Công ty Cổ phần thương mại và Xây dựng Hoàng Long (3)	33.035.000.000	33.035.000.000	33.035.000.000		
Trái phiếu (*)	40.800.000.000	40.800.000.000	40.800.000.000		
Cộng	184.461.131.357	184.461.131.357	201.262.484.500	27.002.022.729	10.200.669.586

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

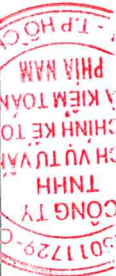
Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

b) Vay dài hạn VND (tiếp theo)

Ghi chú (*)	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Lãi suất	Thời hạn	Giá trị
Trái phiếu thường	40.800.000.000	11,5%	3 năm	
Cộng	40.800.000.000			

Đây là khoản huy động bằng việc phát hành trái phiếu theo mệnh giá bằng Đồng Việt Nam để tài trợ xây dựng Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Cam Lâm – Vĩnh Hảo thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc – Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020 theo hình thức hợp đồng BOT. Gói trái phiếu có tổng mệnh giá 200 tỷ Đồng, ngày đảo hạn cuối cùng vào tháng 10 năm 2024. Lãi suất cố định áp dụng cho toàn bộ thời hạn 3 năm của trái phiếu được xác định là 11,5%/năm. Trái phiếu này được đảm bảo bằng cổ phần của Công ty CP Dầu Tư Hải Thạch BOT sở hữu tại Công ty Cổ phần Dầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả, tương ứng với tổng giá trị hợp lý tối thiểu 150% giá trị phát hành



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay ngắn hạn:

Bên cho vay	Hợp đồng	Hạn mức/Số tiền vay (VND)	Thời hạn vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo
NH Công thương Việt Nam - CN4 TP.HCM	01/2021-HDCVTL/NHCT908-DEOCA	8.808.928.013	11 tháng	9%/năm	Thanh toán vật tư	TSDB trái phiếu
NH TMCP Tiên phong - CN Thăng Long	38/2021/HDTĐ/TTKDMDH/02	300.000.000.000	12 tháng	Tùy theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động	Ký quỹ, và các biện pháp bảo đảm khác
NH TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nam Hà Nội	01/2021/8162427/HDTD	1.500.000.000.000	30/08/2021-31/07/2022	Theo từng lần giải ngân	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Thế chấp quyền tài sản, quyền đòi nợ từ các hợp đồng kinh tế hình thành trong tương lai do ngân hàng tài trợ Vốn
Công ty CP tư vấn XD A2Z	3105/2021/HĐV/A2Z-DCG	62.200.000.000	12 tháng	8.5%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Tín chấp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn:

NH Tiên phong - CN Thăng Long	131/2020/HDTD/TTKD MDH/03	1.740.000.000	60 tháng	8,9%	Mua xe Toyota Land Cruise Prado	Mua xe Toyota Land Cruise Prado
NH Tiên phong - CN Thăng Long	131/2019/HDTD/TTKD MDH/02	6.500.000.000	60 tháng	8,9%	Mua xe land rover	Xe Land Rover
NH Tiên phong - CN Thăng Long	131/2019/HDTD/TTKD MDH/04	3.150.000.000	72 tháng	8,9%	Mua xe Lexus	Xe Lexus
NH Tiên phong - CN Thăng Long	131/2019/HDTD/TTKD MDH/10	9.570.000.000	60 tháng	8,2%	Mua xe maybach	Xe maybach
NH Tiên phong - CN Thăng Long	131/2019/HDTD/TTKD MDH/11	12.984.000.000	60 tháng	8,5%	Mua 2 máy đào	2 Máy đào
NH Tiên phong - CN Thăng Long	38/2021/HDTD/TTKD MDH/01	2.535.000.000	60 tháng	8,5%	Mua 2 xe lu rung	2 xe lu rung
NH Tiên phong - CN Thăng Long	38/2021/HDTD/TTKD MDH/01	9.990.000.000	60 tháng	8,5%	Mua 08 xe lu rung	08 xe lu rung
NH Tiên phong - CN Thăng Long	57/2021/HDTD/TTKD MDH/01	8.337.484.500	60 tháng	8,5%	Mua 02 máy phun	02 máy phun
NH Tiên phong - CN Thăng Long	131/2021/HDTD/TTKD MDH/02	21.291.000.000	60 tháng	8,5%	Mua 02 máy khoan hầm	02 máy khoan hầm
Công ty TNHH Một thành viên Tài chính Toyota Việt Nam	Hợp đồng số 1000481368 ngày 27/05/2020	1.392.000.000	60 tháng	6,99% năm	Mua xe Prado	xe Prado

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Thông tin trình bày bổ sung các hợp đồng vay dài hạn: (tiếp theo)

- (1) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 06 - 10/2021/HĐHT/DCG - DTH ngày 06/10/2021 giữa Công ty với Công ty TNHH Đồng Thuận Hòa
- (2) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 07XL/2021/HĐHTKD/DCG - PT68 ngày 08/12/2021 giữa Công ty với Công ty TNHH Phúc Thịnh 68
- (3) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 10-XL/2021/HĐXL/DCG - HL ngày 11/10/2021 giữa Công ty với Công ty CP TM XD Hoàng Long

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

a) Ngắn hạn

Bên khác

- Công Ty TNHH SP4AN
- Công ty Cổ phần xây lắp 368
- Công Ty CP Đầu Tư Công Nghệ Thiên an
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng TM Tân Hoàng Long
- Công ty TNHH Thiết bị dầu tư Bình Minh
- Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mại An Phú Thành
- Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trí Nam
- Công Ty Cổ Phần Công Nghệ CSP
- Công Ty TNHH Đầu Tư - Thương Mại - Xây Dựng STD
- Công Ty Cổ Phần Thương Mại - Dịch Vụ Huy Thiên Phú
- Công Ty TNHH Kritecon Trường Thành
- Công Ty Cp Xây Dựng Công Trình Cảng
- Công Ty Cổ Phần Sản Xuất Và Đầu Tư Xây Dựng An Phát
- Công Ty Cổ Phần Thương Mại Và Xây Dựng Hoàng Long
- Công Ty TNHH Thiết bị xây dựng Công nghệ Nam Anh
- Công Ty TNHH Thương Mại Và Công Nghiệp Phú Sỹ
- Công Ty CP TẬP ĐOÀN TOJI

Giá trị	31/12/2021		01/01/2021	
	Số có	Khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
970.715.760.910	970.715.760.910		621.671.846.989	621.671.846.989
432.138.987.459	432.138.987.459		488.422.062.157	488.422.062.157
31.926.486.655	31.926.486.655		148.747.428.025	148.747.428.025
64.842.691.563	64.842.691.563		72.180.088.595	72.180.088.595
20.955.417.198	20.955.417.198		46.186.687.698	46.186.687.698
22.219.332.832	22.219.332.832		1.807.666.983	1.807.666.983
16.853.760.000	16.853.760.000			
28.737.718.805	28.737.718.805		10.328.411.060	10.328.411.060
			6.561.778.360	6.561.778.360
8.384.078.830	8.384.078.830		16.419.940.716	16.419.940.716
5.723.416.582	5.723.416.582		12.492.451.552	12.492.451.552
14.558.467.000	14.558.467.000		23.419.444.000	23.419.444.000
3.373.022.493	3.373.022.493		3.962.835.909	3.962.835.909
2.603.925.494	2.603.925.494		4.328.057.320	4.328.057.320
8.253.562.503	8.253.562.503		8.253.562.503	8.253.562.503
12.463.408.837	12.463.408.837		13.532.913.294	13.532.913.294
9.797.954.441	9.797.954.441		1.043.489.488	1.043.489.488
3.000.000.000	3.000.000.000		3.781.624.681	3.781.624.681
18.550.347.717	18.550.347.717		21.263.282.917	21.263.282.917

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN (tiếp theo)

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngân hạn	970.715.760.910	970.715.760.910	621.671.846.989	621.671.846.989
Bên khác	432.138.987.459	432.138.987.459	488.422.062.157	488.422.062.157
Công Ty TNHH Công Nghệ Kub	4.295.229.000	4.295.229.000	5.978.916.000	5.978.916.000
Công Ty TNHH Sx-Xây Dựng Và Tm Huy Phương	3.419.149.904	3.419.149.904	3.419.149.904	3.419.149.904
Công Ty TNHH Hoàn Hảo	5.743.344.097	5.743.344.097	5.743.344.097	5.743.344.097
Công Ty Cp Dầu Tư & Xây Dựng Công Trình Tây An	5.267.304.510	5.267.304.510	3.952.695.834	3.952.695.834
Công Ty CP Dầu Tư Năng Ban Mai	7.602.497.253	7.602.497.253	2.084.556.253	2.084.556.253
Công ty CP TVXD A2Z	16.781.635.095	16.781.635.095		
Phải trả cho các đối tượng khác	116.786.236.650	116.786.236.650	72.933.736.968	72.933.736.968
Bên liên quan	538.576.773.451	538.576.773.451	133.249.784.832	133.249.784.832
Công Ty CP Tập Đoàn Hải Thạch	960.000.000	960.000.000		
Công Ty CP Dầu Tư Xây Dựng Đèo Cả	248.680.751.431	248.680.751.431	34.525.581.236	34.525.581.236
Công ty Cổ phần Dầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả	211.651.377.893	211.651.377.893	3.263.717.338	3.263.717.338
Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	3.282.062.810	3.282.062.810	3.084.484.988	3.084.484.988
Công ty Dầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	72.393.109.517	72.393.109.517	60.338.120.439	60.338.120.439
Công ty Cổ phần An Ninh Đèo Cả	1.419.620.800	1.419.620.800	2.654.101.831	2.654.101.831
Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Đường Cao Tốc Đèo Cả	189.851.000	189.851.000	29.383.779.000	29.383.779.000
b) Dài hạn				
Cộng	970.715.760.910	970.715.760.910	621.671.846.989	621.671.846.989

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị
a) Ngân hạn			
Bên khác			
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Tư vấn Lộc Phát Lộc	31.574.456.385	31.574.456.385	6.679.767.952
	3.400.000.000	3.400.000.000	6.679.767.952
Bên liên quan			
Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	28.174.456.385	28.174.456.385	6.679.767.952
Công ty CP Dầu tư Đèo Cả	25.843.360	25.843.360	25.843.360
Công ty CP Xây dựng Đèo Cả	6.926.696.592	6.926.696.592	6.653.924.592
Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn Hữu Nghi	20.689.127.017	20.689.127.017	
Công ty Dầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	524.054.900	524.054.900	
	8.734.516	8.734.516	
b) Dài hạn			
Bên khác			
BQL Dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Quảng Ninh	953.984.606.096	953.984.606.096	911.356.538.445
Ban quản lý các dự án Dầu tư Xây dựng Tỉnh Phú Yên	457.550.098.270	457.550.098.270	354.004.306.973
BQL Dự án Dầu tư XD các Công trình Dân dụng và CN Tỉnh Quảng Ninh	6.560.218.000	6.560.218.000	24.753.925.000
Ban Quản Lý Dự Án Thăng Long - Bộ Giao Thông Vận Tải	55.306.800.000	55.306.800.000	64.049.992.000
Ban quản lý dự án 6 - Bộ giao thông Vận tải	203.575.369.000	203.575.369.000	223.226.134.950
Công Ty TNHH Dầu Tư Và Xây Dựng Indec	127.672.307.844	127.672.307.844	41.974.255.023
	53.107.515.300	53.107.515.300	
Bên liên quan			
Công Ty CP Dầu tư Đèo Cả	11.327.888.126	11.327.888.126	557.352.231.472
Công Ty CP Xây Dựng Đèo Cả	496.434.507.826	496.434.507.826	557.352.231.472
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	27.191.086.502	27.191.086.502	27.191.086.502
Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	28.800.000.000	28.800.000.000	
Công ty Cp Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào	142.921.777.470	142.921.777.470	529.618.095.554
	543.049.416	543.049.416	543.049.416
	296.978.594.438	296.978.594.438	
Cộng	985.559.062.481	985.559.062.481	918.036.306.397
			918.036.306.397

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

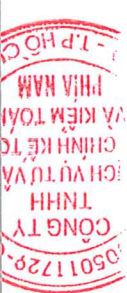
Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2021		Số phải nợ trong năm		Số đã thực nộp trong năm		31/12/2021	
	Phải thu	Phải trả					Phải thu	Phải trả
Thuế thu nhập doanh nghiệp		7.158.781.499		20.520.341.342		16.238.764.886		11.440.357.955
Thuế thu nhập cá nhân		666.259.031		8.868.526.226		8.553.491.144		981.294.113
Thuế khác				6.000.000		6.000.000		
Cộng		7.825.040.530		29.394.867.568		24.798.256.030		12.421.652.068

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TẠI CHỖ RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đón vị tinh: VND

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

(a) $N_{\tilde{g}_N}$ hân

Bên khác

Công ty CP Xây lắp 368

Công ty TNHH Hoàn Hảo

Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng 470

Công ty TNHH Quốc Khánh 68.

Trường Đại học KT Quốc Dân

Đội trưởng khác

Bên liên quan

Công Ty CP Xây dựng Đèo Cả

b) Dải hạn

Conc

18. PHẢI TRẢ KHÁC

$$u \in u_{\hat{\sigma}_N}(v)$$

Kinh phí công đoạn

Bảo hiểm xã hội

Bào hiêm y tế

Bảo hiểm thất nghiệp

Nhận ký quỹ, ký cược ngân hàng

Tâm ứng (số dư có 141)

Các khoản phải trả, phải nộp khác

Bên khác

+ Công ty Cổ phần Dầu và Khí mỏn Trường Sơn

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hưng Thịnh

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn HANH TRUNG GROUP
+ Ban Quản Trị Công Ty TNHH

+ Công Ty CP Tự Vận Xếp Duyên A22

+ Đối tượng khác

Ben nen quan

+ Công ty CI xây dựng Doo ca

+ Công ty CP Đầu tư hạ tầng Miền Bắc

+ Công ty CP Dầu lửa và Xây dựng ICV

+ Công ty Cổ phần Dầu tư Hà Lang Gia thông Đèo Cả

+ Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long

+ Công ty Cổ phần Dầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch

+ Công ty Cổ phần Dầu tư Dầu Cả

+ Công ty CP Đầu tư và tang Mien Bac trong mai QI Ha Thanh

b) Đại hàn

Người ký, ký chức đại nhân

8400

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

a) Ngân hạn

b) Dài hạn

Doanh thu nhận trước

Cộng

31/12/2021	01/01/2021
7.500.000.000	7.500.000.000
7.500.000.000	7.500.000.000
7.500.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Đơn vị tính: VND

1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
-----------------	----------------------	-----------------------	--------------------------	------

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Vào ngày 01/01/2020	2.495.672.790.000		175.832.699.906	2.671.505.489.906
Tăng vốn trong năm trước				
Lãi trong năm trước			60.577.369.581	60.577.369.581
Tăng do trích lập từ lợi nhuận				
Vào ngày 31/12/2020	2.495.672.790.000		236.410.069.487	2.732.082.859.487

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Vào ngày 01/01/2021	2.495.672.790.000		236.410.069.487	2.732.082.859.487
Tăng vốn trong năm này	739.383.100.000			739.383.100.000
Lãi trong năm này			421.035.884.157	421.035.884.157
Tăng do trích từ lợi nhuận			11.820.503.474	(11.820.503.474)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi				(1.200.000.000)
Chia cổ tức			(199.653.823.200)	(199.653.823.200)
Vào ngày 31/12/2021	3.235.055.890.000		11.820.503.474	444.771.626.970
				3.691.648.020.444

Theo Tờ trình của Đại hội đồng Cổ đông số 02/2021/TT-HĐQT ngày 21 tháng 5 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông đã thông qua việc phân phối lợi nhuận như sau:

- Chia cổ tức 8% vốn bằng tiền mặt cho các cổ đông với số tiền là 199.653.823.200 Đồng;
- Trích lập Quỹ đầu tư phát triển từ 5% LNST chưa chia phân phối, tương đương 11.820.503.474 Đồng; và
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ 2% LNST chưa chia phân phối, tương đương 1.200.000.000 Đồng

Ghi chú: Căn cứ biên bản họp đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/BB - ĐHCĐ ngày 29 tháng 06 năm 2021 thông qua kế hoạch tăng vốn và huy động trái phiếu của Công ty số 02/2021/NQ - ĐHCĐ Nghị quyết về việc thông qua kế hoạch góp vốn tăng thêm 250.432.721 cổ phần và phát hành trái phiếu dự kiến 4.000.000 trái phiếu.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

20 . 2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2021	01/01/2021	
Vốn góp của các cổ đông	3.235.055.890.000	2.495.672.790.000	100,00%
- Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	603.020.000.000	603.620.000.000	24,19%
- Võ Thủy Linh	153.444.400.000	330.102.900.000	13,23%
- Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Đeo Cà	147.686.300.000	108.853.000.000	4,36%
- Hồ Minh Hoàng	1.640.735.280.000	1.289.233.890.000	51,66%
- Lưu Hợp Ba	76.400.000.000	76.400.000.000	3,06%
- Đối tượng khác	613.769.910.000	87.463.000.000	3,50%
Cộng	3.235.055.890.000	2.495.672.790.000	100,00%

20 . 3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
- Vốn góp đầu năm	2.495.672.790.000	2.495.672.790.000
- Vốn góp tăng trong năm	739.383.100.000	
- Vốn góp giảm trong năm		
- Vốn góp cuối năm	3.235.055.890.000	2.495.672.790.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	199.653.823.200	

20 . 4. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	323.505.589	249.567.279
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	323.505.589	249.567.279
- Cổ phiếu phổ thông	323.505.589	249.567.279
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu		

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CẦN ĐỐI KẾ TOÀN

Ngài tệ các loại	31/12/2021	01/01/2021
- Dollar Mỹ (USD)	200,80	200,00

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021
Đơn vị tính: VND

VI . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỨC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

01 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

Doanh thu cung cấp dịch vụ
+ Doanh thu quản lý vận hành trạm thu phí
+ Doanh thu bán hàng hóa
+ Dịch vụ khác
+ Vé máy bay
+ Cho thuê thiết bị
Doanh thu hợp đồng xây dựng
Doanh thu bất động sản đầu tư

Công

Trong đó doanh thu đối với các bên liên quan

Doanh thu cung cấp dịch vụ
+ Doanh thu quản lý vận hành trạm thu phí
+ Doanh thu bán hàng hóa
+ Dịch vụ khác
+ Vé máy bay
+ Hoa hồng bảo hiểm
+ Cho thuê thiết bị
Doanh thu hợp đồng xây dựng
Doanh thu bất động sản đầu tư

Công

Doanh thu bất động sản đầu tư
Doanh thu hợp đồng xây dựng
+ Cho thuê thiết bị
+ Vé máy bay
+ Dịch vụ khác
+ Doanh thu bán hàng hóa
+ Doanh thu quản lý vận hành trạm thu phí
Doanh thu cung cấp dịch vụ

Công

02 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp
+ Quản lý vận hành trạm thu phí
+ Bán hàng hóa
+ Dịch vụ khác
+ Vé máy bay
+ Hoa hồng bảo hiểm
+ Cho thuê thiết bị
Giá vốn xây dựng
Giá vốn kinh doanh BDS đầu tư

Công

03 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Lãi tiền gửi, tiền cho vay
Cổ tức, lợi nhuận được chia
Lãi chuyển nhượng cổ phần
Lãi chênh lệch tỷ giá

Công

Năm tài chính	
2021	2020
432.004.575.704	56.474.390.563
80.405.485.165	56.386.636.691
345.099.090.539	
6.500.000.000	
87.753.872	

Năm tài chính	
2021	2020
2.180.381.102.591	2.115.597.019.157
68.311.196.587	8.544.666.335
1.834.496.737.583	2.051.319.570.751
1.048.642.757	1.506.156.973
4.395.162.692	24.000.000
6.454.174.628	6.734.201.122
265.675.188.344	24.939.598.453
277.573.168.421	22.528.825.523
55.732.782.071	

Năm tài chính	
2021	2020
2.339.370.424.974	2.254.689.008.826
97.298.925.847	32.867.501.039
1.961.023.046.477	2.153.416.074.568
4.047.272.728	3.733.636.364
946.331.693	1.635.581.165
4.270.737.097	9.362.513.878
9.304.333.176	27.271.027.436
262.479.777.956	26.402.674.376
281.048.452.650	68.405.433.219

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

04 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Lãi tiền vay

Công

Năm tài chính	
2021	2020
55.602.200.821	32.573.130.908
55.602.200.821	32.573.130.908

05 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Công

Năm tài chính	
2021	2020
78.846.439.445	69.116.858.112
30.175.671.360	18.898.046.337
138.592.946	241.960.642
10.336.291.788	22.819.747.561
3.664.112.658	2.496.117.927
31.459.917.511	22.227.204.009
3.071.853.182	2.433.781.636

06 . THU NHẬP KHÁC

Công

Năm tài chính	
2021	2020
5.780.776.035	2.782.952.862
5.780.776.035	2.782.952.862

07 . CHI PHÍ KHÁC

Công

Năm tài chính	
2021	2020
20.769.808.357	5.035.549.827
20.769.808.357	5.035.549.827

08 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

Công

Năm tài chính	
2021	2020
1.799.025.151.585	1.753.262.777.118
121.322.467.989	92.453.418.469
24.623.707.073	23.208.339.309
151.709.244.872	166.206.334.793
95.721.690.751	17.360.274.458
2.192.402.262.270	2.052.491.144.147

09 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành
- Truy thu thuế TNDN
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Năm tài chính	
2021	2020
20.520.341.342	20.158.781.499
20.520.341.342	10.887.643.167
31.046.424.666	31.046.424.666

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢO CÁO LƯU CHUYỂN
VII . TIỀN TỆ RIÊNG

- 01 . Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai: Không có
02 . Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng: Không có

03 . Số tiền đi vay thực thu trong năm:
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

04 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:

Năm tài chính	
2021	2020
1.156.862.766.717	976.649.608.730
Năm tài chính	
2021	2020
1.392.085.444.624	546.556.760.955

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không có

02. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán:

Thực hiện nghị quyết số 02/2021/NQ-DHĐCD ngày 29/06/2021 của Đại Hội đồng cổ đông Công ty về việc thông qua kế hoạch góp vốn và huy động trái phiếu, ngày 16/02/2022 Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐQT về phương án chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu. Kết quả sau chào bán vốn điều lệ của Công ty tăng thêm 808.463.000.000 đồng (từ 3.235.055.890.000 đồng lên 4.043.518.890.000 đồng) và hoàn thành việc đăng ký thay đổi vốn điều lệ với Sở Kế hoạch đầu tư Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 26 ngày 14/03/2022.

03. Thông tin về các bên liên quan: Xem Phụ lục 1

04. Thông tin bộ phận

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh

Nhiệm vụ cho công tác quản lý của Công ty, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán theo các đơn vị sản phẩm và lĩnh vực kinh doanh do đó báo cáo bộ phận theo các các sản phẩm sản xuất và cung cấp dịch vụ như sau:

	Năm 2020	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		68.405.433.219	2.153.416.074.568	32.867.501.039	2.254.689.008.826	
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận						
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		68.405.433.219	2.153.416.074.568	32.867.501.039	2.254.689.008.826	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận		12.672.651.148	102.096.503.817	24.322.834.704	139.091.989.669	
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(69.116.858.112)	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					69.975.131.557	
Doanh thu hoạt động tài chính					56.474.390.563	
Chi phí tài chính					(32.573.130.908)	
Thu nhập khác					2.782.952.862	
Chi phí khác					(5.035.549.827)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(31.046.424.666)	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					60.577.369.581	
Tổng CP đã phát sinh để mua TSCĐ và các TS dài hạn khác					20.671.594.455	
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					23.208.339.309	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

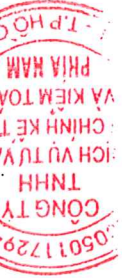
Đơn vị tính: VND

a. Báo cáo chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Năm 2021	Bán hàng	Dịch vụ	Xây dựng	Bất động sản đầu tư	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	262.479.777.956	18.568.674.694	1.961.023.046.477	97.298.925.847	2.339.370.424.974
Doanh thu thuần cung cấp giữa các bộ phận					
Tổng doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	262.479.777.956	18.568.674.694	1.961.023.046.477	97.298.925.847	2.339.370.424.974
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	(3.195.410.388)	6.670.694.617	126.526.308.894	28.987.729.260	158.989.322.383
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(78.846.439.445)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					80.142.882.938
Doanh thu hoạt động tài chính					432.004.575.704
Chi phí tài chính					(55.602.200.821)
Thu nhập khác					5.780.776.035
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(20.769.808.357)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(20.520.341.342)
Tổng CP đã phát sinh để mua TSCD và các TS dài hạn khác					421.035.884.157
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					125.492.261.635
					29.919.342.289

b. Báo cáo thứ yếu theo Khu vực địa lý

Năm 2020	Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	Phụ Yên - Đà Nẵng	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	944.374.543.545	1.213.813.511.417	59.013.047.977	37.487.905.887	2.254.689.008.826
Tài sản bộ phận	179.007.607.255	128.373.372.068	2.386.038.037.355	2.606.476.525.984	5.299.895.542.663
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					20.671.594.455
Năm 2021	Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	Phụ Yên - Đà Nẵng	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài		308.851.533.548	70.643.976.942	1.959.874.914.484	2.339.370.424.974
Tài sản bộ phận		839.506.037.142	190.534.457.137	5.285.994.914.946	6.316.035.409.224
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					125.492.261.635



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

05. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

a) Tài sản tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.274.053.778.670	522.830.724.590	1.274.053.778.670	522.830.724.590
Phải thu khách hàng	891.250.606.582	755.667.056.549	891.250.606.582	755.667.056.549
Trà trước cho người bán	501.596.738.394	662.748.018.607	501.596.738.394	662.748.018.607
Các khoản phải thu khác	389.615.085.821	214.787.157.939	389.615.085.821	214.787.157.939
Đầu tư tài chính dài hạn	1.464.131.352.779	1.892.426.562.779	1.464.131.352.779	1.892.426.562.779
Cộng	4.520.647.562.246	4.048.459.520.464	4.520.647.562.246	4.048.459.520.464

b) Nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
Phải trả cho người bán	970.715.760.910	621.671.846.989	970.715.760.910	621.671.846.989
Người mua trả tiền trước	985.559.062.481	911.356.538.445	985.559.062.481	911.356.538.445
Vay và nợ	422.887.572.896	658.110.250.803	422.887.572.896	658.110.250.803
Phải trả người lao động	14.583.240.415	8.479.677.954	14.583.240.415	8.479.677.954
Các khoản phải trả khác	206.566.459.666	185.699.578.459	206.566.459.666	185.699.578.459
Cộng	2.600.312.096.368	2.385.317.892.650	2.600.312.096.368	2.385.317.892.650

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, người lao động, cổ phiếu chuyển đổi và các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (dã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có năm hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm kế toán. Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

06. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro của Công ty

a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

- Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Tiền cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

- Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về lượng tiền.

BẢN THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Phải trả cho người bán	970.715.760.910			970.715.760.910
Người mua trả tiền trước	31.574.456.385	953.984.606.096		985.559.062.481
Vay và nợ	238.426.441.539	184.461.131.357		422.887.572.896
Chi phí phải trả	10.453.640.344			10.453.640.344
Các khoản phải trả phải nộp khác	174.120.459.666	32.446.000.000		206.566.459.666
Cộng	1.425.290.758.844	1.170.891.737.453		2.596.182.496.297

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu chuyển đổi, các khoản đặt cọc và các khoản đầu tư tài chính.



BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giả trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

- Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giả trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.
Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay.
Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất cố lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.
Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giả trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.
Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay.
Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất cố lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.
Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

- Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Giám đốc của công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.
Công ty sẽ tiến hành việc phân tích và trình bày độ nhạy do tác động của biến động giá cổ phiếu đến kết quả kinh doanh của Công ty khi có các hướng dẫn chi tiết bởi các cơ quan quản lý.

07. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

08. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính 2020 kết thúc vào ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

Người lập biên

Nguyễn Thị Linh

Kế toán trưởng

Phạm Lê Huy

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Hải

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2022

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẠO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

01

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan:

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan bao gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này

- Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan

- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1. Hội đồng quản trị

Hồ Minh Hoàng

Lưu Xuân Thủy

Trần Văn Thế

Võ Thụy Linh

Nguyễn Tấn Đông

Phan Văn Thắng

Phùng Tiến Thành

Nguyễn Quốc Anh

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

Phó chủ tịch

BẢN THUYẾT MINH BẢO CẢO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

02 Giao dịch các bên liên quan khác:

Bên liên quan	Mối quan hệ
---------------	-------------

Chủ tịch HĐQT

Cổ đông

Cổ đông

Cổ đông

Công ty Con

Công ty Con

Công ty Con

Công ty Con

Công ty Con

Công ty Con

Công ty Con

Công ty Con

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh, liên kết

Vô Thủy Linh

Công ty Cổ phần Đầu tư Hà Tăng Giao thông Đèo Cà

Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam

Công ty Cổ phần BOT Hưng Phát

Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T

Công ty Cổ phần Phước Thuận Phú Gia BOT

Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cà

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long

Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cà Khánh Hòa

Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghi

Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hào

Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận

Công ty CP Tập đoàn Đầu tư XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên

Người có liên quan của ông Hồ Minh Hoàng,
Nguyễn Tân Đông, Nguyễn Văn Hải, Hồ Đình
Chung, Nguyễn Quốc Anh

Người có liên quan của ông Nguyễn Tân Đông,
Phạm Lê Huy

Người có liên quan của ông Phan Văn Thắng,
Nguyễn Quốc Anh, Phạm Lê Huy, Phạm Duy

Hiệu, Nguyễn Hữu Hùng

Người có liên quan của ông Ngô Trường Nam,
Lê Việt Anh, Nguyễn Quốc Anh

Người có liên quan của ông Ngô Trường Nam,
Nguyễn Quốc Anh, Nguyễn Hữu Hùng

Người có liên quan của ông Phạm Lê Huy,
Nguyễn Quốc Anh

Người có liên quan của ông Phan Văn Thắng,
Nguyễn Quốc Anh

Người có liên quan của ông Ngô Trường Nam,
Nguyễn Quốc Anh, Nguyễn Hữu Hùng

Người có liên quan của ông Phạm Lê Huy,
Nguyễn Quốc Anh

Người có liên quan của ông Phan Văn Thắng,
Nguyễn Tân Đông

Công ty CP Quản lý và khai thác đường cao tốc Đèo Cà

Công ty CP Vật liệu Hải Thạch

Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành

Công ty CP Đầu tư Hà Tăng Miền Bắc

Công ty CP Xây Dựng Đèo Cà

(*) Công ty TNHH Phát triển Hà tăng và Đầu tư Tài chính Đèo Cà được đổi tên từ Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hà tăng Giao thông Việt Nam theo Giấy phép đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 1 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2021.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH

	Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
Hồ Minh Hoàng		- Chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác	7.194.340.000	87.796.300.000
		- Nhận chuyển nhượng cổ phần từ cổ đông khác	173.105.730.000	
		- Nhận cổ tức năm 2020	110.591.041.280	
		- Góp vốn chủ sở hữu	185.590.000.000	
		- Nhận chuyển nhượng cổ phần từ cổ đông khác	218.840.000	1.122.600.000
Lưu Xuân Thủy		- Hoàn ứng	9.703.130.791	7.996.444.185
		- Nhận cổ tức năm 2020	101.949.440	
Võ Thụy Linh		- Chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác	1.341.440.000	
		- Chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác	176.769.600.000	76.400.000.000
		- Nhận cổ tức năm 2020	11.932.000.000	
		- Góp vốn chủ sở hữu	111.100.000	
Trần Văn Thế		- Nhận chuyển nhượng cổ phần từ cổ đông khác	120.670.000	346.500.000
		- Nhận cổ tức năm 2020	35.504.920	
Nguyễn Tấn Đông		- Góp vốn chủ sở hữu	155.720.000	
		- Nhận chuyển nhượng cổ phần từ cổ đông khác	163.340.000	687.640.000
Nguyễn Quốc Ánh		- Nhận cổ tức năm 2020	64.674.480	
		- Nhận chuyển nhượng cổ phần từ cổ đông khác	134.830.000	1.842.500.000
Nguyễn Văn Hải		- Nhận cổ tức năm 2020	150.277.080	
		- Tạm ứng chi phí thực hiện DA Tân Phú Bảo Lộc	22.277.000.000	
		- Hoàn ứng	22.177.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN
1. CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH (tiếp theo)

	Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
Hồ Đình Chung Phan Văn Thắng Phùng Tiến Thành Lê Việt Anh Đặng xuân Chinh Ngo Trường Nam Nguyễn Hữu Hùng Phạm Duy Hiếu Nguyễn Quang Huy		- Nhận chuyển nhượng cổ phần từ cổ đông khác	-	299.930.000
		- Phải thu khác	10.044.700.000	10.044.700.000
		- Nhận cổ tức năm 2020	22.794.680	-
		- Góp vốn chủ sở hữu	99.970.000	-
		- Nhận cổ tức năm 2020	45.850.800	-
		- Nhận cổ tức năm 2020	98.800.000	-
		- Nhận cổ tức năm 2020	28.120.000	-
		- Góp vốn chủ sở hữu	123.300.000	-
		- Nhận cổ tức năm 2020	6.596.800	-
		- Nhận chuyển nhượng cổ phần	47.200.000	39.600.000
		- Hoàn ứng	1.252.088.809	-
		- Nhận cổ tức năm 2020	21.530.800	-
		- Góp vốn chủ sở hữu	94.430.000	-
		- Nhận cổ tức năm 2020	10.130.800	-
		- Góp vốn chủ sở hữu	44.430.000	-
		- Nhận cổ tức năm 2020	15.196.200	-
		- Góp vốn chủ sở hữu	66.650.000	-
		- Nhận cổ tức năm 2020	33.985.680	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC I: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	- Dịch vụ vận chuyển hàng hóa	727.367.948	392.356.013
	- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	1.066.590.000	1.009.942.500
	- Đồng phục		1.185.612.750
	- Dịch vụ cung cấp vật tư, hàng hóa	30.352.498.011	4.324.278.417
	- Đào tạo	400.000.000	180.000.000
	- Quản lý vận hành trạm thu phí		5.879.435.296
	- Hoạt động xây dựng	270.631.674.020	17.154.187.395
	- Thuê thiết bị, phương tiện	793.181.818	154.545.453
	- Mua nước		2.503.636
	- Mua vật tư		1.065.566.280
	- Cho vay	119.600.000.000	280.131.895.603
	- Lãi cho vay	6.996.173.417	13.872.460.460
	- Thanh toán tiền cho vay	261.500.000.000	339.300.000.000
	- Dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư	2.365.416.000	2.633.657.250
	- Dịch vụ vé máy bay	96.052.760	231.387.595
	- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	262.800.000	238.800.000
	- Đồng phục		472.134.600
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	- Hoạt động xây dựng		466.337.418
	- Thi nghiệm	13.814.295.053	17.192.697.472
	- Cho vay	11.000.000.000	
	- Lãi cho vay	266.301.370	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH (tiếp theo)

	Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa		- Dịch vụ vé máy bay	32.481.195	16.296.686
		- Quản lý vận hành trạm thu phí		2.702.506.938
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam		- Hoạt động xây dựng	92.668.182	
		- Dịch vụ thuê xe		120.000.000
		- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	262.800.000	228.600.000
		- Dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư	2.496.828.000	1.456.483.000
		- Đồng phục		58.158.975
		- Dịch vụ vé máy bay	19.438.560	58.841.906
		- Cho thuê thiết bị	240.322.728	1.457.693.342
		- Dịch vụ thương mại	142.614.427.838	48.418.011.752
		- Cho vay	23.300.000.000	
		- Thu tiền vay	23.300.000.000	
		- Lãi cho vay	21.589.041	
		- Đãi vay	5.000.000.000	
		- Trả tiền vay	2.400.000.000	
		- Lãi đi vay	121.161.644	
		- Hoạt động xây dựng		26.080.872.426
Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn		- Đồng phục		122.484.600
		- Dịch vụ vé máy bay	241.093.369	512.847.118
		- Quản lý vận hành trạm thu phí		6.060.576.588
		- Đào tạo	200.000.000	480.000.000
		- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	1.386.610.248	2.048.505.000
		- Cho vay		1.534.390.784
		- Trả tiền vay		1.534.390.784



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghi	- Lãi vay	1.716.705.446	3.003.419.415
	- Chi phí thuế xe		81.818.182
	- Dịch Vụ vé máy bay		22.668.546
	- Đào Tạo		60.000.000
	- Đồng phục		32.136.300
	- Dịch vụ vé máy bay	24.461.286	218.864.482
	- Đồng phục		24.309.600
	- Đào tạo	100.000.000	120.000.000
	- Quản lý vận hành trạm thu phí	166.363.636	3.521.040.454
	- Hoạt động xây dựng	58.284.488.760	776.138.293.945
Công ty CP Phước Tương Phú Gia BOT	- Quản lý vận hành trạm thu phí		8.239.115.100
	- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	1.877.401.110	2.724.990.000
	- Đồng phục		312.051.600
	- Đào tạo	200.000.000	300.000.000
	- Dịch Vụ vé máy bay	545.028.441	752.699.668
	- Dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư	1.978.801.896	3.235.851.808
	- Dịch vụ bảo vệ	9.490.410.000	7.473.683.830
	- Dịch vụ vé máy bay	306.978.565	436.062.423
	- Đồng phục		121.047.150
	- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	240.000.000	216.000.000
Công ty CP An Ninh Đèo Cà	- Dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư	9.024.324.864	4.320.695.148
	- Lãi cho vay	27.178.082	
		63	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
Công ty CP Đầu tư Hải Thạch B.O.T	- Thu tiền vay	202.000.000.000	
	- Cho Vay		202.000.000.000
	- Lãi cho vay	7.050.520.548	12.485.479.451
	- Đồng phục		6.008.100
	- Cho Vay	92.500.000.000	7.900.000.000
	- Lãi cho vay	1.316.152.712	43.321.107
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	- Thu tiền vay	100.200.000.000	200.000.000
	- Đi vay	100.000.000.000	
	- Trả tiền vay	70.000.000.000	
	- Lãi đi vay	1.616.986.302	
	- Cho vay	200.000.000	49.750.000.000
	- Thu hồi tiền vay	76.950.000.000	
Công ty CP Đầu tư thương mại Quốc tế Hà Thành	- Lãi cho vay	3.287.331.507	4.798.317.807
	- Đồng phục		17.572.800
	- Thoái vốn	582.495.210.000	
	- Đi vay	104.900.830.138	
	- Trả tiền vay	104.900.830.138	
	- Lãi đi vay	1.530.987.208	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	- Thu tiền vay	400.300.000.000	
	- Thuế thiết bị	872.727.274	872.727.272
	- Dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư	525.648.000	472.873.500
	- Nhận cổ tức năm 2020	48.289.600.000	
	- Cho Vay	506.000.000.000	86.000.000.000
	- Lãi cho vay	15.028.861.370	4.918.136.985
	- Đi vay	27.743.788.093	
	- Trả tiền vay	27.000.000.000	
	- Lãi đi vay	197.531.498	
	- Cho vay	152.900.000.000	
	- Trả tiền vay	1.000.000.000	
	- Hoạt động xây dựng	10.488.319.451	
	- Dịch vụ vé máy bay	124.362.629	
	- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	607.500.000	
	- Dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư	985.590.000	
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	- Đào tạo	100.000.000	
	- Góp vốn đầu tư	195.700.000.000	
	- Lãi cho vay	2.787.579.716	



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	- Chuyển tiền ký quỹ	7.802.215.340	3.062.709.160
	- Hoạt động xây dựng	1.049.629.111.463	1.133.574.966.572
	- Đào Tạo	700.000.000	480.000.000
	- Đồng phục		376.648.125
	- Cho thuê thiết bị	3.965.454.546	3.027.272.727
	- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	901.600.000	942.000.000
	- Dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư	7.206.765.492	7.205.277.787
	- Dịch vụ vé máy bay	1.539.164.975	5.034.456.919
	- Cho vay	82.930.000.000	
	- Trả tiền vay	2.000.000.000	
	- Lãi vay	2.074.775.279	
	- Doanh thu hoạt động xây dựng		7.451.736.357
	- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	240.000.000	240.000.000
	- Dịch Vụ vé máy bay	51.205.737	105.157.499
	- Bán nhà	66.105.500.000	
	- Dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư	1.468.134.864	856.412.004
	- Dịch vụ cung cấp vật tư, hàng hóa	224.406.641.966	454.603.994
	- CP Thuê thiết bị	14.929.298.562	9.140.606.060
	- CP xây dựng	502.892.917.136	267.536.634.089
	- Mua vật tư	634.425.265	
	- Cho Vay		10.000.000.000
	- Trả tiền vay		10.000.000.000

Công ty CP Xây dựng Đèo Cà

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN 1. CÁC NGHIỆP VỤ PHÁT SINH (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
Công ty CP Xây dựng Đèo Cà	- Đi Vay	373.199.991.337	396.112.935.507
	- Trả tiền đi vay	613.052.984.705	156.259.942.139
	- Lãi đi vay	17.028.193.259	10.198.279.862
	- Dịch vụ vé máy bay	49.558.950	
Công ty Cổ phần Quản Lý Và Khai Thác Đường Cao Tốc Đèo Cà	- Đồng phục		17.173.800
	- Hoạt động xây dựng	172.591.818	
Công ty TNHH Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài Chính Đèo Cà	- Dịch vụ cho thuê bất động sản đầu tư		226.476.000
	- Chi cổ tức	8.708.240.000	
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư XD Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	- Cho Vay	31.000.000.000	
	- Trả tiền vay	2.100.000.000	
	- lãi vay	1.792.065.754	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021	01/01/2021
PHẢI THU NGẮN HẠN Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Hạ tầng và Dầu tư Tài chính Đèo Cà Công ty CP Dầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cà Công ty CP Dầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam Công ty CP An Ninh Đèo Cà Công ty CP Phước Tượng Phú Gia BOT Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn	- Dịch vụ thương mại	768.786.907	190.574.107
	- Dịch vụ thương mại	335.624.850	335.624.850
	- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	2.746.185.750	1.572.936.750
	- Lãi cho vay	6.467.378.826	6.467.378.826
	- Dịch vụ vé máy bay	1.496.249.851	749.145.107
	- Dịch vụ thương mại	21.713.226.577	6.619.816.537
	- Dịch vụ thương mại		1.554.131.300
	- Dịch vụ vé máy bay		64.726.095
	- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin		251.460.000
	- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	198.000.000	132.000.000
	- Dịch vụ vé máy bay	266.317.485	234.413.235
	- Dịch vụ thương mại	5.118.402.834	2.887.305.616
	- Dịch vụ vé máy bay	46.940.155	40.780.425
	- Đào tạo	100.000.000	
	- Hoạt động xây dựng	112.174.544.781	112.174.544.781
	- Dịch vụ vé máy bay	294.429.252	61.297.746
	- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	4.171.508.272	2.646.237.000
	- Dịch vụ thương mại	134.733.060	
	- Đào tạo	680.000.000	420.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN 2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan

Nội dung nghiệp vụ

31/12/2021

01/01/2021

PHẢI THU NGẮN HẠN (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Trung Lương - Mỹ Thuận

- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	732.710.000	518.100.000
- Dịch vụ vé máy bay	104.604.339	1.545.014.211
- Dịch vụ thương mại	11.955.841.190	8.368.654.128
- Hoạt động xây dựng	238.257.222.516	83.331.518.410

Công Ty CP Đầu Tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa

- Hoạt động xây dựng	1.588.099.100	1.585.041.100
- Dịch vụ vé máy bay	3.145.800	2.908.309

Công ty CP Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo

- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	668.250.000	
- Dịch vụ thương mại	1.084.149.000	
- Đào tạo	100.000.000	
- Dịch vụ vé máy bay	51.931.488	
- Hoạt động xây dựng	8.515.745.834	

Công Ty CP Xây dựng Đèo Cả

- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin		396.000.000
- Dịch vụ thương mại	73.130.748.797	942.053.203
- Dịch vụ vé máy bay	200.665.077	206.044.860
- Hoạt động xây dựng		3.551.534.989

Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long

- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin	735.240.000	446.160.000
- Dịch vụ vé máy bay	809.722.356	704.064.321
- Dịch vụ thương mại	4.940.620.310	2.338.662.710

Công Ty CP Tập Đoàn ĐT XD Cầu Đường Sài Gòn-Phú Yên

- Dịch vụ vé máy bay	106.900.000	
----------------------	-------------	--

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan

Nội dung nghiệp vụ

31/12/2021

01/01/2021

PHẢI THU NGÂN HÀNG (tiếp theo)

Công ty CP Dầu tư Đèo Cà

- Dịch vụ cung cấp công nghệ thông tin

7.279.124.720

5.213.983.500

- Quản lý vận hành trạm thu phí

11.964.402.501

- Dịch vụ vé máy bay

4.962.300

2.132.747.191

- Dịch vụ thương mại

3.960.338.044

11.324.815.648

- Hoạt động xây dựng

266.154.614.669

373.247.427.522

Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghị

- Dịch vụ vé máy bay

95.349.930

5.945.100

Công ty CP Vật Liệu Hải Thạch

- Dịch vụ vé máy bay

771.750

Công ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Đường Cao Tốc Đèo Cà

- Dịch vụ vé máy bay

21.036.330

Cộng

777.214.122.150

644.227.450.078

TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN NGÂN HÀNG

Công ty CP Dầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cà

- Hoạt động xây dựng

47.763.041.523

67.832.231.811

- Dịch vụ thương mại

23.406.638.043

1.072.478.734

Công ty CP Tư vấn Xây dựng Hoàng Long

- Hoạt động xây dựng

11.842.689.385

8.648.879.517

Công ty CP Tập đoàn Dầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên

- Dịch vụ thương mại

31.300.000.000

- Hoạt động xây dựng

2.187.391.488

Công ty Dầu tư và XD ICV Việt Nam

- Dịch vụ thương mại

41.600.000.000

Công ty CP XD Đèo Cà

- Hoạt động xây dựng

8.556.967.944

207.359.730.470

Cộng

125.056.728.383

326.513.320.532



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN			
2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)			
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021	01/01/2021
PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC			
Công ty CP ĐT Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	- Lãi vay - Đào tạo	22.830.493.303 180.000.000	15.834.319.886 180.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Thạch B.O.T	- Lãi vay	3.065.863.014	12.485.479.451
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	- Lãi vay - Thu chuyển nhượng CP	4.303.095.023	4.986.979.030 92.150.000.000
Công Ty CP XD Đèo Cả	- Dịch vụ thương mại		135.801.435
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng IGV Việt Nam	- Dịch vụ thương mại - Lãi vay - Khác	21.589.041 360.995.574	63.974.873 77.692.305
Công ty CP An Ninh Đèo Cả	- Dịch vụ thương mại		133.151.865
Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Khai Thác Đường Cao Tốc Đèo Cả	- Dịch vụ thương mại		18.891.180
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	- Lãi vay	2.135.408.220	
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	- Dịch vụ thương mại - Lãi vay	59.039.987	1.262.130.025 6.608.910
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	- Lãi vay - Dịch vụ thương mại		4.861.838.355 19.330.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021	01/01/2021
PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC			
Công Ty CP Phước Tương Phú Gia Bot	- Dịch vụ thương mại		26.740.560
	- Đào tạo		120.000.000
Công Ty CP Bot Bắc Giang - Lạng Sơn	- Dịch vụ thương mại		134.733.060
	- Đào tạo		60.000.000
	- Khác	323.064.000	323.064.000
Công Ty CP Bot Bắc Giang - Lạng Sơn - Hữu Nghị	- Dịch vụ thương mại		35.349.930
	- Đào tạo		60.000.000
Công Ty CP Bot Trung Lương - Mỹ Thuận	- Lãi vay	2.074.775.279	
	- Kỳ quỹ	6.649.520	
Công Ty CP Cao Túc Cam Lâm-Vĩnh Hảo	- Lãi vay	2.787.579.716	
Công ty CP Tư vấn Xây Dựng Hoàng Long	- Lãi vay	266.301.370	
Hồ Minh Hoàng	- Chuyển nhượng CP	50.000.000.000	
	Cộng	88.234.854.047	132.976.084.945

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

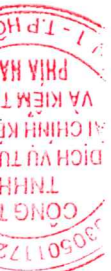
Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	Bên liên quan		Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021	01/01/2021
PHẢI THU KHÁC DÀI HẠN	Công ty CP Bot Trung Lương - Mỹ Thuận		- Kỳ quỹ	10.858.274.980	3.062.709.160
			Cộng	10.858.274.980	3.062.709.160
PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	Công ty CP ĐT Hạ tầng Giao thông Đèo Cả		- Hoạt động xây dựng	211.531.777.893	3.144.117.338
			- Dịch vụ thương mại	119.600.000	119.600.000
Công ty CP XD Đèo Cả			- Hoạt động xây dựng	237.421.155.553	26.850.914.569
			- Dịch vụ thương mại	11.259.595.878	7.674.666.667
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng IGV Việt Nam			- Dịch vụ thương mại	72.393.109.517	60.338.120.439
			- Dịch vụ thương mại	1.419.620.800	2.654.101.831
Công ty CP An Ninh Đèo Cả			- Thí nghiệm	1.087.599.493	2.515.091.940
			- Khảo sát, TK BVTC	720.099.720	474.018.818
Công ty CP Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long			- Khác	1.474.363.597	95.374.230
			- Dịch vụ thương mại	960.000.000	
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch			- Hoạt động xây dựng	189.851.000	29.383.779.000
			Cộng	538.576.773.451	133.249.784.832



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021	01/01/2021
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN			
Công Ty CP XD Đèo Cả	- Bán Tài sản	20.689.127.017	
Công Ty CP Dầu tư Đèo Cả	- Hoạt động xây dựng	6.926.696.592	6.653.924.592
Công Ty CP Bot Bắc Giang - Lạng Sơn	- Hoạt động xây dựng	25.843.360	25.843.360
Công ty CP BOT Bắc Giang - Lạng Sơn Hữu Nghị	- Dịch vụ thương mại	524.054.900	
Công ty Dầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	- Dịch vụ thương mại	8.734.516	
	Cộng	28.174.456.385	6.679.767.952
NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC DÀI HẠN			
Công Ty CP Dầu tư Đèo Cả	- Hoạt động xây dựng	27.191.086.502	27.191.086.502
Công ty Cổ phần BOT Bắc Giang Lạng Sơn	- Hoạt động xây dựng	543.049.416	543.049.416
Công ty Cổ phần Cao tốc Cam Lâm - Vĩnh Hảo	- Hoạt động xây dựng	296.978.594.438	
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	- Hoạt động xây dựng	142.921.777.470	529.618.095.554
Công Ty CP Xây Dựng Đèo Cả	- Hoạt động xây dựng	28.800.000.000	
	Cộng	496.434.507.826	557.352.231.472

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC 1: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN	
2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)	
Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ
	31/12/2021
	01/01/2021
PHẢI TRẢ KHÁC NGÂN HẠN	
Công ty CP Xây Dựng Đèo Cả	- Lãi vay 23.726.473.121 10.198.279.862
Công ty CP BOT Bắc Giang Lạng Sơn Hữu Nghi	- Lãi vay 7.065.486.380
	- Khác 56.262.681.818
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Miền Bắc	- Lãi vay 1.616.986.302
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Quốc tế Hà Thành	- Lãi vay 1.530.987.208
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng ICV Việt Nam	- Khác 3.400.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	- Kỳ quỹ 100.000.000 100.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Hoàng Long	- Kỳ quỹ 50.000.000 50.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư BOT Đèo Cả Khánh Hòa	- Kỳ quỹ 50.000.000 50.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hải Thạch	- Khác 14.998.028
Công ty Cổ phần Đầu tư Đèo Cả	- Khác 5.833.968
	Cộng
	30.489.444.659 73.732.282.028



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính 2021 kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

PHỤ LỤC I: GIAO DỊCH CÁC BÊN LIÊN QUAN

2. CÔNG NỢ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2021	01/01/2021
CHO VAY NGẮN HẠN			
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	- Cho vay	5.280.000.000	
Công ty Cổ phần Dầu từ Hải Thạch B.O.T	- Cho vay		202.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn Hải Thạch	- Cho vay	203.200.000.000	97.500.000.000
Công ty CP Dầu từ Hạ tầng Giao thông Đèo Cả	- Cho vay	36.731.895.603	178.631.895.603
Công ty CP Tập đoàn Dầu từ Xây dựng Cầu đường Sài Gòn - Phú Yên	- Cho vay	28.900.000.000	
Công ty CP Dầu từ Hạ tầng Miền Bắc	- Cho vay		7.700.000.000
Công ty Cổ phần Dầu từ Thương mại Quốc tế Hà Thành	- Cho vay		27.000.000.000
Công Ty CP Tư Vấn Xây Dựng Hoàng Long	- Cho vay	11.000.000.000	
Cộng		285.111.895.603	512.831.895.603
CHO VAY DÀI HẠN			
Công ty CP Dầu từ TM Quốc Tế Hà Thành	- Cho vay		49.750.000.000
Công ty CP Cao Tốc Cam Lâm-Vĩnh Hảo	- Cho vay	151.900.000.000	
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	- Cho vay	75.650.000.000	
Cộng		227.550.000.000	49.750.000.000



